

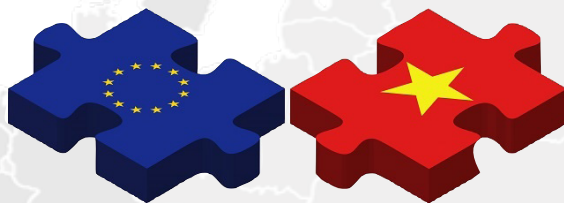
BỘ CÔNG THƯƠNG



CHUYÊN SAN

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

SỐ QUÝ 4/2023





Đơn vị thực hiện:

Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ liên hệ:

655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

3 TỔNG QUAN

4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

- Xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU - Cơ hội và thách thức

5 - 26 THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

- Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU sẽ phục hồi rõ nét trong nửa cuối năm 2024
- Năm 2024, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hà Lan kỳ vọng sẽ khởi sắc
- Đối mặt với nhiều khó khăn, xuất khẩu hàng hóa sang Italia vẫn duy trì xu hướng tích cực
- Thương mại hai chiều Việt Nam – Đan Mạch năm 2023 giảm, kỳ vọng tăng trưởng trong năm 2024
- Triển vọng thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và CH Séc
- Xuất khẩu nông sản sang EU duy trì đà tăng trưởng
- Xuất khẩu hàng dệt may sang EU năm 2024 sẽ dần phục hồi
- Nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng từ EU tăng khả quan trong năm 2023

27 THÔNG TIN CHÍNH SÁCH

30 KHUYẾN NGHỊ - CẢNH BÁO

31 - 35 THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

- Một số nét đáng chú ý của kinh tế EU năm 2023
- Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa giữa EU với thị trường ngoại khối giảm trong năm 2023





TỔNG QUAN

Kinh tế Liên minh châu Âu đã trải qua năm 2023 đầy khó khăn, thách thức với lạm phát và lãi suất cao. Tuy nhiên, các chỉ số mới nhất cho thấy kinh tế khu vực đã có dấu hiệu cải thiện với chỉ số giá tiêu dùng giảm, chi tiêu tiêu dùng có dấu hiệu phục hồi, tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp. Trong báo cáo mùa Thu, Ủy ban Châu Âu dự báo kinh tế EU năm 2024 sẽ ở mức 1,3%, sau khi chỉ tăng 0,6% trong năm 2023. Ủy ban Châu Âu dự báo lạm phát năm 2024 vẫn có xu hướng giảm. Tỷ lệ lạm phát tại EU năm 2023 sẽ là 6,5% và dự kiến giảm xuống 3,5% vào năm 2024 và 2,4% vào năm 2025.

Hoạt động thương mại của EU với thị trường ngoài khối trong năm 2023 chịu tác động do nhu cầu cả trong và ngoài khu vực đều suy giảm. Theo thống kê của Eurostat, trong 10 tháng năm 2023, xuất khẩu hàng hóa của EU ra thị trường ngoài khối đạt 2.124,8 tỷ Euro, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2022; nhập khẩu đạt 2.119,2 tỷ Euro, giảm 15,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Về thương mại với Việt Nam, EU là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Việt Nam sau Trung Quốc, Hoa Kỳ và Hàn Quốc. Hoạt động thương mại song phương bị tác động mạnh trong năm 2023 trước bối cảnh kinh tế khu vực đối mặt với nhiều khó khăn, đồng thời hoạt động đầu tư cũng như xuất khẩu hàng hóa của nước ta chậm lại. Tuy nhiên, tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU cuối năm 2023 đã có dấu hiệu cải thiện. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng đầu năm 2023, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU đạt 53,7 tỷ USD, giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2022, thấp hơn đáng kể so với mức giảm 11% của quý I/2023. Trong đó, 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU đạt 36,3 tỷ USD, giảm 7,77% so với cùng kỳ năm 2022, tiếp tục cải thiện so với mức giảm 8,74% của 10 tháng đầu năm 2023; kim ngạch nhập khẩu đạt 13,6 tỷ USD, giảm 2,41% so với cùng kỳ năm 2022.

Lạm phát giảm đáng kể và chỉ số niềm tin của người tiêu dùng trên khắp châu Âu cũng đã ổn định, là các dấu hiệu cho thấy nhu cầu thị trường nhiều khả năng sẽ phục hồi và triển vọng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU năm 2024 sẽ khả quan hơn với lợi thế lớn từ Hiệp định EVFTA.

XUẤT KHẨU HÀNG HÓA SANG THỊ TRƯỜNG EU - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC



Năm 2023 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang EU khi nhu cầu thị trường sụt giảm. Theo ước tính của Eurostat, trong 10 tháng năm 2023, nhập khẩu hàng hóa của EU từ thị trường ngoài khối giảm tới 15,7% so với cùng kỳ năm 2022 trong bối cảnh lạm phát cao khiến người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, đặc biệt giảm nhu cầu đối với các mặt hàng không thiết yếu. Bên cạnh đó, thị trường EU cũng đặt ra các yêu cầu cao hơn về phát triển bền vững, sản xuất xanh; hàng hoá của Việt Nam ngày càng phải cạnh tranh gay gắt với các nước xuất khẩu có cơ cấu hàng hoá tương đồng.

Tuy nhiên, năm 2023 đã khép lại với tín hiệu khả quan khi tốc độ giảm kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU chậm lại sau từng quý. Kinh tế EU cũng được nhận định vượt qua giai đoạn khó khăn nhất khi lạm phát giảm gần về mức mục tiêu của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) và tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp... Bên cạnh đó, niềm tin của người tiêu dùng trên khắp châu Âu cũng đã ổn định là các dấu hiệu cho thấy nhu cầu thị trường nhiều khả năng sẽ phục hồi trong năm 2024. Cùng với lợi thế từ Hiệp định EVFTA mang lại, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU được kỳ vọng sẽ tăng trưởng khả quan trong năm 2024.

Với nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ thị trường ngoài khối đạt trên 3 nghìn tỷ Euro mỗi năm, EU là một thị trường rộng lớn, có tính ổn định, bền vững. Sau hơn 3 năm EVFTA có hiệu lực, hàng hóa của Việt Nam tại thị trường EU có khả năng cạnh tranh cao hơn khi nhiều

dòng thuế đã về 0% theo cam kết. Bên cạnh cơ hội, các doanh nghiệp xuất khẩu vẫn đối mặt với nhiều thách thức khi EU là một thị trường tiêu chuẩn cao và đang đẩy mạnh áp dụng hàng loạt quy định mới, liên quan đến thương mại xanh, phát triển bền vững, điển hình như Cơ chế điều chỉnh carbon biên giới (CBAM), quy định về chuỗi cung ứng chống phá rừng (EUDR), Chỉ thị thẩm định chuỗi cung ứng (CSDDD)... Những tiêu chuẩn bền vững của EU sẽ bao trùm tất cả những sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh của Việt Nam, đòi hỏi doanh nghiệp phải tuân thủ dài hạn và duy trì thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của đối tác, từ đó tận dụng được cơ hội EVFTA mang lại.

Ngoài ra, khoảng cách địa lý xa xôi, kéo theo chi phí vận chuyển, logistics lớn làm hạn chế khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Thời gian qua, tại khu vực vịnh Aden và biển Đỏ xuất hiện tình trạng tàu biển chuyên chở hàng hóa bị tấn công, dẫn đến việc một số hãng vận tải biển đã ra thông báo dừng vận chuyển hàng hóa qua khu vực biển Đỏ, thay đổi lịch trình, chuyển hướng đi vòng qua mũi Hảo Vọng của châu Phi khiến cước vận chuyển và phí bảo hiểm cho hàng hóa trao đổi giữa các khu vực này gia tăng.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế EU được dự báo tăng trưởng chậm trong năm 2024 và 2025, cùng với việc thị trường đang đẩy mạnh áp dụng các quy định, tiêu chuẩn mới cho hàng hóa nhập khẩu, đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam cần phải nhận diện đầy đủ các cơ hội, thách thức để có thể giữ vững thị trường và gia tăng xuất khẩu trong thời gian tới.

Xuất khẩu hàng hóa của

VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU

sẽ phục hồi rõ nét trong nửa cuối năm 2024

EU hiện là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Việt Nam sau Trung Quốc, Hoa Kỳ và Hàn Quốc. Hoạt động thương mại giữa Việt Nam và EU bị tác động mạnh trong năm 2023 do kinh tế khu vực đối mặt với nhiều khó khăn, trong khi hoạt động đầu tư cũng như xuất khẩu hàng hóa của nước ta chậm lại. Tuy nhiên, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU đã có dấu hiệu cải thiện với tốc độ giảm chậm lại. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng đầu năm 2023, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU đạt 53,7 tỷ USD, giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2022, thấp hơn đáng kể so với mức giảm 11% của quý I/2023. Trong 11 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất siêu sang thị

Về xuất khẩu:

11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU đạt 36,3 tỷ USD, giảm 7,77% so với cùng kỳ năm 2022, tiếp tục cải thiện so với mức giảm 8,74% của 10 tháng đầu năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU chiếm 12,4% trong tổng xuất khẩu hàng hóa của cả nước trong 11 tháng năm 2023. Nhìn chung, so với mức giảm nhập khẩu hàng hóa của EU từ các thị trường cung cấp chính ngoài EU, mức giảm của thị trường là khá khả

quang khi nhập khẩu từ Trung Quốc giảm 17,7%, Anh giảm 16,3%; Na Uy giảm 26,2%...

Kim ngạch thương mại 2 chiều Việt Nam – EU

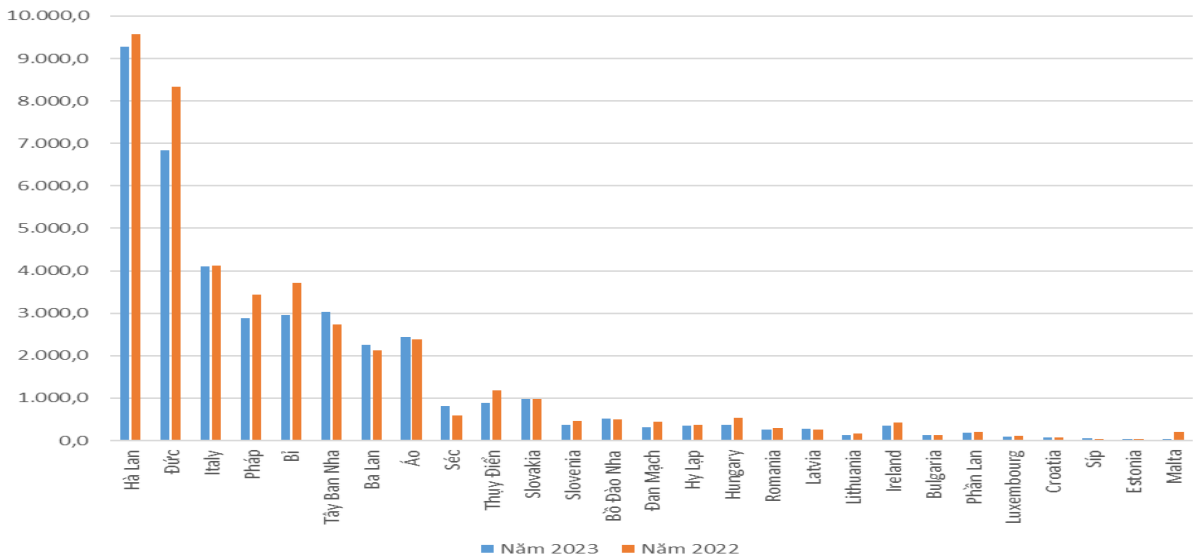
	11 tháng năm 2023 (triệu USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng trong tổng kim ngạch của cả nước (%)
Tổng xuất nhập khẩu	53.695	-6,5	8,7
Xuất khẩu	40.051	-7,8	12,4
Nhập khẩu	13.645	-2,4	4,6
Cán cân thương mại	26.406	-10,3	

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Đáng chú ý, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU trong các tháng cuối năm 2023 đã có xu hướng phục hồi khi áp lực lạm phát tại EU giảm, doanh thu bán lẻ cải thiện. Tháng 11/2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang EU tăng 2,8% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 3,74 tỷ USD, sau khi giảm chậm lại trong 2 tháng trước đó.

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới các thị trường trong khối EU 11 tháng năm 2023

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

11 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang nhiều thị trường thành viên EU giảm so với cùng kỳ năm 2022. Các thị trường có mức giảm cao nhất gồm: Đan Mạch giảm 30,1%; Hungary giảm 28,9%; Lithuania giảm 20,7%; Slovenia giảm 20,3%; Bỉ giảm 20,1% Đức giảm 18%, Pháp giảm 16,1%. Ngược lại, xuất khẩu sang một số thị trường lại tăng trưởng khá quan như: Séc tăng 37,7%; Croatia tăng 11,9%; Tây Ban Nha tăng 10,86%; Latvia tăng 10,2%; Síp tăng 10,09%; Ba Lan tăng 6,07%...

Trong các tháng cuối năm 2023, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các thị trường lớn trong khối đã có dấu hiệu cải thiện khi xuất khẩu sang Hà Lan tăng tháng thứ 3 liên tiếp trong tháng 11/2023, đạt 939,87 triệu USD, tăng 5,02% so với cùng kỳ năm 2022 và tốc độ giảm kim ngạch xuất khẩu sang Đức cũng chậm lại đáng kể, đạt 653,5 triệu USD, giảm 9,8% so với cùng kỳ năm 2022, mức giảm một con số đầu tiên kể từ tháng 4/2023 đến nay...

Về hàng hoá xuất khẩu, trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu hàng hóa sang EU giảm khi 23/38 mặt hàng được Tổng cục Hải quan thống kê có kim ngạch giảm so với cùng kỳ năm 2022; 15 mặt hàng còn lại có kim ngạch xuất khẩu tăng.

Đáng chú ý, xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU tăng trưởng khá quan trọng trong 11 tháng năm 2023 như hạt điều, rau quả, chè. Xuất khẩu các mặt hàng công nghệ như điện thoại các loại, máy ảnh, máy quay phim và linh kiện tăng khi nhu cầu đối với nhóm sản phẩm này tại EU có xu hướng tăng trở lại.

Trong khi xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp tiêu dùng như dệt may, da giày vẫn đối mặt với nhiều khó khăn. Theo đó, 11 tháng năm 2023, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU đạt 3,65 tỷ USD, giảm 13,8% so với cùng kỳ năm 2022; xuất khẩu giày dép các loại đạt 4,37 tỷ USD, giảm 18,7%.

Mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU 11 tháng năm 2023

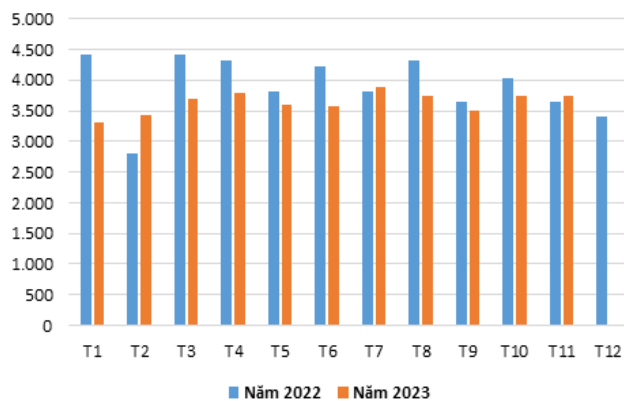
Mặt hàng	11 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng		40.050.621		-7,8
Điện thoại các loại và linh kiện		6.381.656		2,2
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		5.019.633		-14,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		5.080.448		-1,9
Giày dép các loại		4.372.700		-18,7
Hàng dệt, may		3.542.710		-13,8
Cà phê	520.501	1.258.572	-15,6	-4,3
Phương tiện vận tải và phụ tùng		1.039.346		3,5
Sắt thép các loại	2.340.608	1.756.254	85,5	26,1
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù		765.216		-8,6
Hàng thủy sản		791.725		-30,6
Hạt điều	106.396	702.139	13,5	13,1
Sản phẩm từ chất dẻo		478.489		-13,6
Gỗ và sản phẩm gỗ		363.065		-33,6
Sản phẩm từ sắt thép		542.253		-36,2
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận		527.458		-14,5
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		156.920		-9,3
Hàng rau quả		270.155		30,9
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện		184.029		20,8
Chất dẻo nguyên liệu	95.027	103.279	78,7	35,0
Kim loại thường khác và sản phẩm		147.654		130,3
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		180.380		-16,6
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		122.658		-19,4
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm		78.255		0,8
Hạt tiêu	26.089	131.483	-4,2	-28,0
Cao su	51.759	82.901	-16,5	-25,0
Sản phẩm từ cao su		77.380		-28,4
Sản phẩm gốm, sứ		55.411		-30,1
Xơ, sợi dệt các loại	21.248	72.963	49,6	8,5
Hóa chất		52.743		-60,2
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ		18.739		-43,5
Gạo	40.326	66.532	51,2	12,2
Dây điện và dây cáp điện		31.690		66,6
Sản phẩm hóa chất		13.940		-12,7
Chè	709	1.668	111,0	75,8
Vải màn, vải kỹ thuật khác		22.543		-37,0
Giấy và các sản phẩm từ giấy		3.232		35,8
Than các loại	52.167	19.775	358,4	391,7
Hàng hóa khác		5.856.981		-3,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Các tháng cuối năm 2023, kinh tế khu vực EU xuất hiện những tín hiệu tích cực hơn sẽ là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong năm 2024, đặc biệt là lạm phát giảm và chi tiêu tiêu dùng có xu hướng phục hồi. Trong đó, xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chủ lực của Việt Nam gồm hàng dệt may, da giày dự báo sẽ tăng nhẹ trở lại trong nửa đầu năm, trước khi phục hồi rõ nét hơn trong nửa cuối năm. Nhu cầu tiêu dùng nhóm hàng dệt may, da giày tại EU có khả năng sẽ dần phục hồi sau 2 năm người tiêu dùng trì hoãn mua sắm, trong bối cảnh lạm phát giảm mạnh. Trong khi đó, nhóm hàng nông sản, thực phẩm của Việt Nam cũng đã dần đáp ứng được tiêu chuẩn của thị trường khó tính này và sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan trong thời gian tới. Với nhóm hàng công nghệ, xuất khẩu các mặt hàng máy vi tính và điện thoại của Việt Nam sang EU cũng sẽ tăng trưởng khả quan khi nhu cầu của tiêu thụ được dự báo sẽ phục hồi. Trong tháng 11/2023, Canalys dự báo nhu cầu máy vi tính và điện thoại tại EU năm 2024 sẽ tăng trưởng trở lại.

Cụ thể theo Canalys, nhu cầu tiêu thụ máy tính để bàn, notebook, máy trạm tại khu vực châu Âu năm 2024 sẽ tăng 7,4% so với năm 2023; tiêu thụ điện thoại thông minh dự báo tăng 7%.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU năm 2022 - 2023



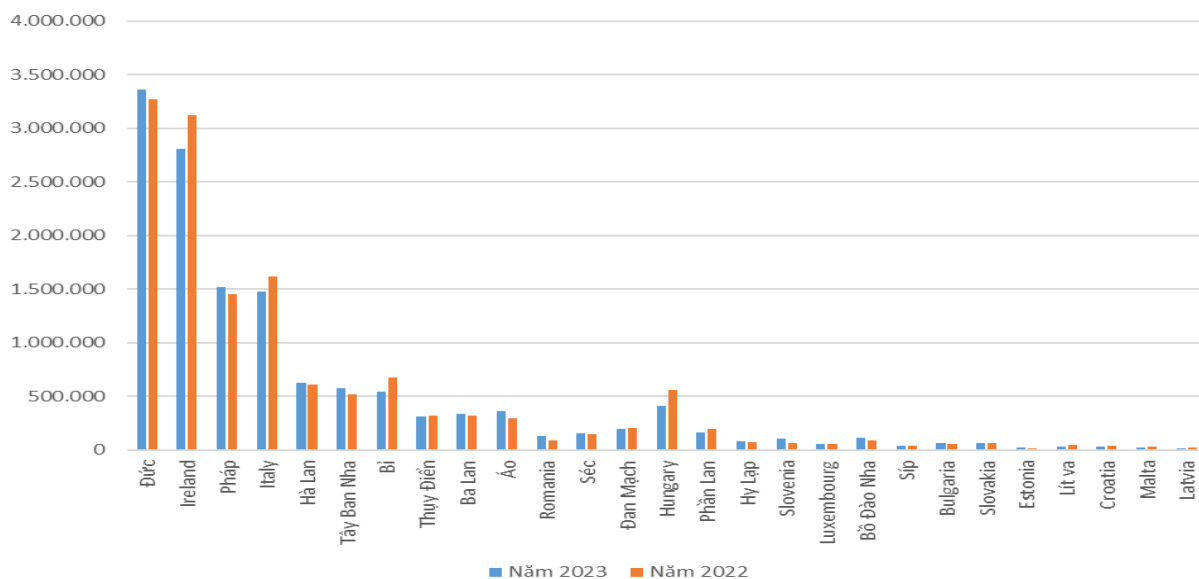
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu

Trong 11 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường EU đạt 13,6 tỷ USD, giảm 2,41% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu từ nhiều thị trường tăng so với cùng kỳ năm 2022 như: Đức, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha, Ba Lan, Áo, Romania, Séc...; ở chiều ngược lại nhập khẩu từ Ireland, Italia, Bỉ, Thụy Điển... giảm.

Thị trường thành viên EU cung cấp hàng hóa cho Việt Nam trong 11 tháng năm 2023

(ĐVT: Nghìn USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng, trong 11 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng chủ lực từ EU tăng so với cùng kỳ năm 2022 gồm: Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, dược phẩm, hóa chất, sữa và sản phẩm sữa... Trong khi nhập khẩu nhiều mặt hàng vẫn giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường EU 11 tháng năm 2023

Mặt hàng	11 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng		13.644.573		-2,41
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		2.809.530		-13,1
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		2.624.201		2,92
Dược phẩm		1.563.773		2,87
Hóa chất		482.952		38,65
Sản phẩm hóa chất		555.508		-11,2
Sữa và sản phẩm sữa		231.478		5,5
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		214.141		-9,75
Chất dẻo nguyên liệu	57.352	204.127	12,3	-5,53
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng		158.059		-14
Vải các loại		162.528		-6,67
Sản phẩm từ sắt thép		158.436		-6,59
Sản phẩm từ chất dẻo		151.045		2,64
Linh kiện, phụ tùng ô tô		161.515		66,95
Gỗ và sản phẩm gỗ		183.428		-8,84
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh		112.778		14,43
Sắt thép các loại	22.011	81.548	-2,1	-15,62
Thức ăn gia súc và nguyên liệu		230.879		-49,72
Giấy các loại	71.036	77.687	56,05	25,23
Chế phẩm thực phẩm khác		86.515		-21,31
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm		95.669		-19,7
Phân bón các loại	84.056	33.510	33,63	12,46
Ô tô nguyên chiếc các loại	1.205	87.082	-8,43	5,67
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		56.139		-21,71
Sản phẩm từ cao su		40.672		-6,73
Kim loại thường khác	5.058	37.406	-52,23	-56,09
Hàng thủy sản		27.421		-5,13
Nguyên phụ liệu dược phẩm		30.420		31,18
Xơ, sợi dệt các loại	4.996	16.351	69,93	29,1
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		11.370		-16,18
Dây điện và dây cáp điện		25.178		-2,85
Cao su	5.702	19.395	-35,05	-25,53
Quặng và khoáng sản khác	3.932	9.600	24,19	57,71
Sản phẩm từ kim loại thường khác		12.980		3,57
Hàng điện gia dụng và linh kiện		14.836		-4,89
Sản phẩm khác từ dầu mỏ		17.382		-33,53
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh		16.661		-6,54
Nguyên phụ liệu thuốc lá		5.809		9,44
Sản phẩm từ giấy		4.007		-44,59
Phế liệu sắt thép	4.234	1.775	-89,64	-88,7
Lúa mì	11.907	4.112	4820,25	4175,27
Điện thoại các loại và linh kiện		56		-69,18
Hàng hóa khác		2.826.613		10,24

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

NĂM 2024, XUẤT KHẨU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM SANG HÀ LAN KỲ VỌNG SẼ KHỞI SẮC

Hà Lan là đối tác thương mại lớn thứ 2 của Việt Nam trong Liên minh châu Âu, là thị trường xuất khẩu lớn nhất và thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn thứ 5. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2023, trao đổi thương mại song phương Việt Nam - Hà Lan đạt trên 9,9 tỷ USD; trong đó, Việt Nam xuất khẩu 9,3 tỷ USD và nhập khẩu 0,6 tỷ USD. Ước tính, năm 2023, kim ngạch xuất, nhập khẩu giữa Việt Nam và Hà Lan đạt 10,92 tỷ USD, giảm 1,7% so với năm 2022. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Hà Lan ước đạt 10,2 tỷ USD, giảm 2%; nhập khẩu đạt 700 triệu USD, tăng 4,6%. Năm 2023, Việt Nam xuất siêu 9,5 tỷ USD sang Hà Lan.

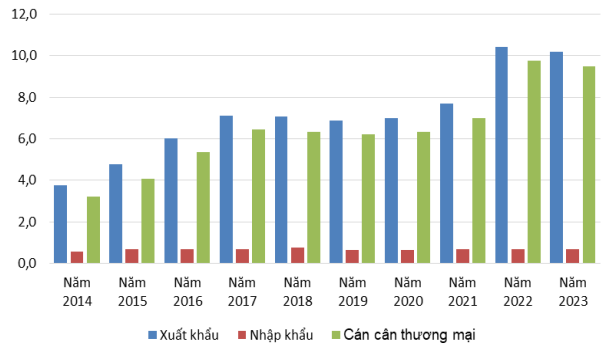
VỀ XUẤT KHẨU

Trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hà Lan giảm 3,1% so với cùng kỳ năm 2022 do nhu cầu nhập khẩu của thị trường giảm. Theo Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu hàng hóa của Hà Lan đạt 590,14 tỷ Euro, giảm 6,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, nhập khẩu từ thị trường ngoài khối giảm gần 10% xuống còn 347,4 tỷ Euro. Với Hà Lan, Việt Nam là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất trong khối ASEAN, đứng thứ ba trong khu vực châu Á (sau Trung Quốc và Đài Loan). Thị phần của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hà Lan trong 9 tháng đầu năm 2023 đã tăng lên mức 1,4% so với 1,2% của cùng kỳ năm 2022.

Mặc dù tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hà Lan giảm, nhưng nhiều mặt hàng vẫn ghi nhận mức tăng trưởng cao như: Than các loại (tăng 392%); kim loại thường khác và sản phẩm (tăng 124,5%); cà phê (tăng 61,9%); điện thoại các loại và linh kiện (tăng 44,5%); hàng rau quả (tăng 30,7%); hạt điều (tăng 20,1%); gạo (tăng 13,3%)...

Với nhóm mặt hàng nông sản, xuất khẩu sang Hà Lan trong 11 tháng năm 2023 có mức tăng trưởng cao khi các mặt hàng đáp ứng được những quy định chặt chẽ của Hà Lan, cũng như nhu cầu của thị trường đối với nhóm hàng này ổn định. Trong đó, cà phê là mặt hàng có mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm, đạt 93,7 triệu USD, tăng 61,9% so với cùng kỳ năm 2022. Hà Lan hiện đứng thứ 5 thế giới về tiêu thụ cà phê, đạt khoảng 3,5 tỷ Euro mỗi năm. Thời gian qua, do ảnh hưởng bởi lạm phát và lãi suất tăng cao, Hà Lan có xu hướng chuyển dịch nhu cầu từ cà phê Arabica có giá cao sang cà phê Robusta có giá thành rẻ hơn,

Thương mại Việt Nam và Hà Lan năm 2014 – 2023
(ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan và ước tính năm 2023

đây là chủng loại cà phê chủ lực và có thế mạnh của Việt Nam. Theo thống kê của Eurostat, trong 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu cà phê của Hà Lan từ Việt Nam tăng 2,9 lần lên 88,14 triệu Euro, chiếm 7,4% tổng nhập khẩu mặt hàng của nước này, cao hơn nhiều so với mức 2,6% của cùng kỳ năm 2022. Đặc biệt, Việt Nam là thị trường cung cấp hạt tiêu và hạt điều lớn nhất cho Hà Lan, chiếm 51,3% và 74,1% dung lượng nhập khẩu của thị trường.

Trong khi đó, lạm phát và lãi suất cao đã khiến người tiêu dùng Hà Lan thắt chặt chi tiêu đối với các sản phẩm không thiết yếu, kéo theo kim ngạch xuất khẩu của không ít mặt hàng chủ lực của Việt Nam sang thị trường Hà Lan trong 11 tháng năm 2023 giảm như: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 2,2 tỷ USD, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm 2022; hàng dệt may đạt 880,5 triệu USD, giảm 60%; giày dép đạt 871,46 triệu USD, giảm 11,3%; túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù giảm 12,4%; thủy sản giảm 37,3%...

Kinh tế Hà Lan năm 2024 được dự báo sẽ phục hồi, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hà Lan kỳ vọng sẽ khởi sắc trong thời gian tới.

Ủy ban châu Âu (EC) dự báo nền kinh tế Hà Lan sẽ chỉ tăng trưởng 0,6% trong năm 2023 và sẽ tăng 1,1% vào năm 2024. Đồng thời, EC cho biết lạm phát tại Hà Lan đã hạ nhiệt nhờ giá năng lượng giảm đáng kể kể từ mức đỉnh của năm 2022. Tỷ lệ lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục giảm do giá năng lượng giữ ổn định trong khi lạm phát ở các loại hàng hóa ở mức thấp và dự kiến sẽ giảm tốc từ từ. Do đó, lạm phát tại Hà Lan được dự báo ở mức 4,6% vào năm 2023 và giảm xuống 3,7% vào năm 2024.

Trong khi, theo Ngân hàng Rabobank, nền kinh tế Hà Lan dự kiến sẽ tăng trưởng 0,5% vào năm 2024 và 1% vào năm 2025. Sức mua đang phục hồi sau thời gian lạm phát kéo dài, do đó các hộ gia đình dự kiến sẽ chi tiêu nhiều hơn dù tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ. Hơn nữa, tiêu dùng và đầu tư của Chính phủ dự kiến sẽ tăng trong những năm tới cũng sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Hà Lan.

Bên cạnh sự phục hồi nhu cầu thị trường, việc EVFTA bước vào năm thứ 4 có hiệu lực với nhiều dòng thuế cắt giảm sâu theo cam kết sẽ tiếp tục gia tăng lợi thế cạnh tranh cho hàng hoá của Việt Nam khi xuất khẩu vào EU nói chung và Hà Lan nói riêng.

Trong khi đó, tiềm năng hợp tác thương mại giữa Hà Lan và Việt Nam vẫn còn rất lớn. Không chỉ là đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam tại EU, Hà Lan còn là nhà đầu tư lớn nhất trong nhóm các nước châu Âu tại Việt Nam. Nước này cũng là cửa ngõ trung chuyển khi 60% hàng hóa Việt Nam xuất khẩu vào châu Âu đi qua cảng Rotterdam. Hầu hết hàng hóa nhập khẩu vào Hà Lan ngoài việc phục vụ tiêu thụ nội địa của thị trường này, còn một lượng lớn hàng hóa được tái xuất khẩu sang các quốc gia EU khác. Vì vậy, đối với các doanh nghiệp sản xuất vừa và nhỏ, muốn thâm nhập thị trường châu Âu, Hà Lan chính là chìa khóa để mở rộng thị trường sau này.

Mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hà Lan trong 11 tháng năm 2023

Tên hàng	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2023 (%)
Tổng	9.278.097	-3,1	100,0	100,0
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.193.222	-5,4	24,2	23,6
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	1.827.183	0,2	19,1	19,7
Điện thoại các loại và linh kiện	1.100.759	44,5	8,0	11,9
Hàng dệt, may	880.505	-7,1	9,9	9,5
Giày dép các loại	871.460	-11,3	10,3	9,4
Hạt điều	324.919	20,1	2,8	3,5
Phương tiện vận tải và phụ tùng	300.736	1,0	3,1	3,2
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	215.076	-12,4	2,6	2,3
Hàng thủy sản	158.090	-37,3	2,6	1,7
Hàng rau quả	136.928	30,7	1,1	1,5
Sản phẩm từ chất dẻo	136.791	-8,3	1,6	1,5
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	130.999	-42,7	2,4	1,4
Cà phê	93.677	61,9	0,6	1,0
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	74.879	-0,8	0,8	0,8
Sản phẩm từ sắt thép	66.774	-61,3	1,8	0,7
Gỗ và sản phẩm gỗ	58.697	-18,8	0,8	0,6
Kim loại thường khác và sản phẩm	43.879	124,5	0,2	0,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu

Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ Hà Lan các mặt hàng điện tử, dược phẩm và hóa chất. Trong đó, máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác có kim ngạch cao nhất với hơn 93 triệu USD, tăng 4,6% so với cùng kỳ và chiếm 14,8% tỷ trọng. Đứng sau là dược phẩm với 66,5 triệu USD, tăng 17,5%; sản phẩm hóa chất với 44,26 triệu USD, giảm 24,2%; linh kiện, phụ tùng ô tô với 41,65 triệu USD, tăng 22,3%.

Trong số 20 mặt hàng nhập khẩu, có 12 mặt hàng

nhập khẩu từ Hà Lan ghi nhận giảm kim ngạch so với cùng kỳ năm trước. Mặt hàng có kim ngạch giảm mạnh nhất là thủy tinh và sản phẩm thủy tinh với mức giảm 69,3%, hóa chất giảm 69,2%, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 50,9%...

Ngược lại, có 8 mặt hàng tăng trưởng về trị giá nhập khẩu so với cùng kỳ năm trước. Với mặt hàng tăng mạnh nhất là dây điện và dây cáp điện (+68,4%), sản phẩm từ chất dẻo (+29,5%)...

Mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Hà Lan trong 11 tháng năm 2023

Mặt hàng	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2023 (%)
Tổng nhập khẩu	627.230	3,5	100,0	100,0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	93.043	4,6	14,7	14,8
Dược phẩm	66.540	17,5	9,3	10,6
Sản phẩm hóa chất	44.260	-24,2	9,6	7,1
Linh kiện, phụ tùng ô tô	41.652	22,3	5,6	6,6
Chế phẩm thực phẩm khác	29.892	-12,7	5,6	4,8
Chất dẻo nguyên liệu	25.491	-0,8	4,2	4,1
Sữa và sản phẩm sữa	24.560	-34,2	6,2	3,9
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	22.720	17,7	3,2	3,6
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	22.707	5,8	3,5	3,6
Sản phẩm từ sắt thép	17.666	28,3	2,3	2,8

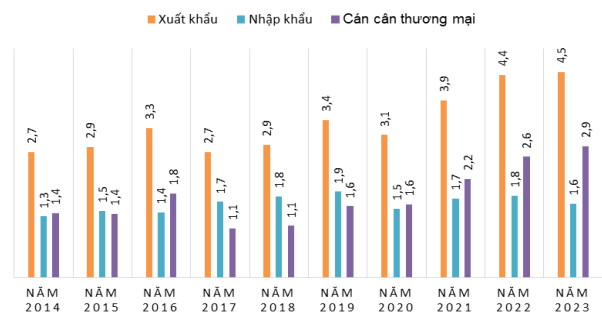
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Đối mặt với nhiều khó khăn, XUẤT KHẨU HÀNG HÓA SANG ITALIA vẫn duy trì xu hướng tích cực

Italia là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam trong khối EU và ở chiều ngược lại Việt Nam là đối tác lớn nhất của Italia trong khối ASEAN. Nhờ tận dụng hiệu quả các ưu đãi của Hiệp định EVFTA, xuất khẩu của Việt Nam sang Italia đã tăng trưởng 24,4% trong năm 2021 và 14,2% năm 2022.

Năm 2023, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Italia ước tính tăng nhẹ 1,4% so với năm 2022, đạt 4,49 tỷ USD; nhập khẩu ước đạt 1,6 tỷ USD, giảm 9,6%. Như vậy, tổng kim ngạch thương mại hai chiều ước đạt 6,1 tỷ USD, giảm 1,7% so với năm 2022. Về cán cân thương mại, ước tính Việt Nam xuất siêu khoảng 2,88 tỷ USD sang Italia trong năm 2023.

Thương mại Việt Nam – Italia trong giai đoạn từ năm 2014 – 2023 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan và ước tính năm 2023

Tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Italia là kết quả đáng ghi nhận trong bối cảnh kinh tế châu Âu nói chung và Italia nói riêng đặc biệt khó khăn trong năm 2023, khiến nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của nước này giảm.

Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Italia tính đến hết tháng 9/2023 chỉ đạt 446,36 tỷ EUR, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2022. Đáng chú ý, nhập khẩu của Italia từ thị trường ngoại khối đã giảm mạnh 20,6% xuống còn 194 tỷ EUR; trong khi từ nội khối tăng nhẹ 0,3% lên 252,34 tỷ EUR.

Việt Nam đứng thứ 32 về xuất khẩu hàng hóa vào Italia với kim ngạch đạt 3,35 tỷ EUR, chiếm tỷ trọng 0,8% trong tổng nhập khẩu hàng hóa của nước này.

Trong đó, nông sản là những mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh của Việt Nam sang Italia, bao gồm cà phê chiếm 16,1% thị phần; hạt tiêu chiếm 20,1%; hạt điều chiếm 48%. Tuy nhiên, những mặt hàng khác như dệt may, thủy sản, rau quả, gạo... mới chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ từ 1 – 2%.

Xét về tăng trưởng, Italia đã giảm nhập khẩu hầu hết hàng hóa từ Việt Nam trong 9 tháng năm 2023, ngoại trừ sắt thép (tăng 24,9%), cà phê (tăng 12,6%), đặc biệt là sản và các sản phẩm từ sản tăng 330,4%...

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Italia trong 11 tháng năm 2023 đạt 4,1 tỷ USD, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2022. Thống kê cho thấy, có đến 20/25 mặt hàng ghi nhận kim ngạch giảm so với cùng kỳ, bao gồm cả những mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường này như: điện thoại các loại và linh kiện giảm 3,1%, máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng giảm 14%, giày dép các loại giảm 13,3%, dệt may giảm 11,1%...



Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu sắt thép các loại, mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Italia tăng mạnh 58,3% so với cùng kỳ năm 2022, đạt hơn 1 tỷ USD và chiếm 24,6% tỷ trọng; kim ngạch xuất khẩu phương tiện vận tải và phụ tùng sang Italia cũng tăng 20,3%; cà phê tăng 1,8%.

Theo Cơ quan thống kê Italia, trong tháng 10/2023, doanh số bán lẻ tại Italia tăng 0,4% so với tháng

trước đó, sau khi giảm 0,4% trong tháng 9 và cao hơn dự đoán của thị trường là tăng 0,1%. Trong đó, doanh số bán hàng phi thực phẩm tăng 0,2% trong khi doanh số bán thực phẩm tăng 0,6%. Trên cơ sở hàng năm, thương mại bán lẻ tăng 0,3% trong tháng 10, chậm lại so với mức tăng 1,3% của tháng 9 và ghi nhận tốc độ yếu nhất kể từ tháng 2/2021. Xét về mặt hàng, doanh số bán thực phẩm tăng 3,5%, trong khi phi thực phẩm giảm 2% do doanh số bán thiết bị, radio, tivi và máy ghi âm giảm 5,3%, quần áo và lông thú giảm 5%. Số liệu trên cho thấy, người tiêu dùng tại Italia vẫn thắt chặt chi tiêu đối với hàng hoá như điện tử, dệt may, giày dép... vốn là các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường này.

Không giống như nhiều nền kinh tế lớn khác tại EU, tăng trưởng kinh tế của Italia được dự báo sẽ tiếp tục trì trệ trong năm 2024, điều này có thể ảnh hưởng đến thương mại hai chiều giữa Italia và Việt Nam trong năm 2024. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo nền kinh tế Italia sẽ tăng trưởng 0,7% trong năm 2023 và năm 2024, trước khi tăng 1,2% vào năm 2025.

Tuy nhiên, trong báo cáo mới nhất Ngân hàng Trung ương Italia dự báo nền kinh tế Italia sẽ tăng trưởng 0,8% trong năm 2024 và 1% vào năm 2025. Trong khi đó, Viện Thống kê Quốc gia Italia cho biết nền kinh tế có thể tăng trưởng chậm lại ở mức 0,6% trong năm 2024. Điều này kỳ vọng nhu cầu tiêu dùng của người dân Italia sẽ dần phục hồi trong thời gian tới, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của Italia sẽ tăng trở lại.

Một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Italia trong 11 tháng năm 2023

Mặt hàng	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2023 (%)
Tổng xuất khẩu	4.111.602	-0,2	100,0	100,0
Sắt thép các loại	1.009.678	58,3	15,5	24,6
Điện thoại các loại và linh kiện	559.604	-3,1	14,0	13,6
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	339.755	-14,0	9,6	8,3
Giày dép các loại	333.079	-13,3	9,3	8,1
Phương tiện vận tải và phụ tùng	332.986	20,3	6,7	8,1
Cà phê	281.007	1,8	6,7	6,8
Hàng dệt, may	274.151	-11,1	7,5	6,7
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	211.767	-7,8	5,6	5,2
Hàng thủy sản	86.927	-6,0	2,2	2,1
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	81.952	-14,0	2,3	2,0
Chất dẻo nguyên liệu	73.124	2,5	1,7	1,8
Sản phẩm từ sắt thép	39.392	-26,2	1,3	1,0
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	33.643	-24,8	1,1	0,8
Hạt điều	33.451	-12,5	0,9	0,8
Xơ, sợi dệt các loại	29.034	-20,8	0,9	0,7
Sản phẩm từ chất dẻo	17.853	-8,4	0,5	0,4
Gỗ và sản phẩm gỗ	17.259	-35,5	0,6	0,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về hàng hoá nhập khẩu, tính đến hết tháng 11/2023, Việt Nam nhập khẩu 1,48 tỷ USD hàng hoá từ thị trường Italia, giảm 8,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, nhập khẩu hầu hết mặt hàng đều sụt giảm so với cùng kỳ năm ngoái như: Máy móc, thiết bị,

dụng cụ, phụ tùng giảm 15,5%, nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày giảm 10,7%, vải các loại giảm 3,5%; sản phẩm hoá chất giảm 19,4%, sản phẩm từ sắt thép giảm 12%... Ngược lại, dược phẩm tăng 19,4%, chất thơm, mỹ phẩm tăng 27%.

Một số mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Italia trong 11 tháng năm 2023

Mặt hàng	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2023 (%)
Tổng nhập khẩu	1.481.446	-8,3	100,0	100,0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	418.773	-15,5	30,7	28,3
Dược phẩm	179.627	19,4	9,3	12,1
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	168.235	-10,7	11,7	11,4
Vải các loại	108.947	-3,5	7,0	7,4
Sản phẩm hóa chất	58.725	-19,4	4,5	4,0
Sản phẩm từ sắt thép	31.824	-12,0	2,2	2,1
Hóa chất	25.538	-15,1	1,9	1,7
Sản phẩm từ chất dẻo	24.239	-4,3	1,6	1,6
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	23.567	27,0	1,1	1,6
Gỗ và sản phẩm gỗ	22.138	-0,3	1,4	1,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

THƯƠNG MẠI HAI CHIỀU VIỆT NAM – ĐAN MẠCH năm 2023 giảm, kỳ vọng tăng trưởng trong năm 2024

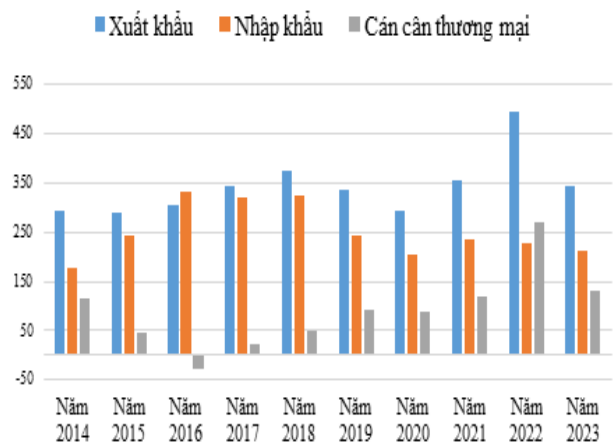
Cùng với lợi thế về EVFTA, Đan Mạch là quốc gia duy nhất ở Bắc Âu thiết lập quan hệ Đối tác toàn diện với Việt Nam. Đây được coi là lợi thế giúp thương mại hàng hóa hai chiều Việt Nam – Đan Mạch có nhiều triển vọng tích cực. Theo số liệu tính toán từ Tổng cục Hải quan, giai đoạn 2014 – 2023, hoạt động thương mại hàng hóa giữa Việt Nam – Đan Mạch tăng trưởng bình quân 3,2%/năm; xuất khẩu tăng 3,6%; nhập khẩu tăng 4%. Trong giai đoạn này, trao đổi thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Đan Mạch diễn ra sôi động nhất sau khi EVFTA (từ tháng 8/2020) có hiệu lực. Theo đó, tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Đan Mạch giai đoạn 2020 – 2022 tăng 2 con số (năm 2021 tăng 20,2%; năm 2022 tăng 39,5%); nhập khẩu năm 2021 tăng 13,8% so với năm 2020; nhưng năm 2022 giảm 3,1% so với năm 2021.

Đà tăng trưởng từ sau khi Hiệp định có hiệu lực bị gián đoạn trong năm 2023 do kinh tế Đan Mạch đối mặt với nhiều khó khăn, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa giảm. Theo ước tính, năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa Việt Nam – Đan Mạch ước đạt 556,51 USD, giảm 22,8% so với năm 2022. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Đan Mạch đạt 342,82 triệu USD, giảm 30,7%; nhập khẩu của Việt

Nam từ Đan Mạch đạt 213,68 triệu USD, giảm 5,6%. Với kết quả này, Việt Nam xuất siêu 129,14 triệu USD sang thị trường Đan Mạch, thấp hơn so với mức xuất siêu của năm 2022 là 268,31 triệu USD.

Xuất, nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam – Đan Mạch giai đoạn 2014 – 2023

(ĐVT: Triệu USD. Năm 2023 là số liệu ước tính)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tính riêng trong quý IV/2023, thương mại hàng hoá hai chiều giữa Việt Nam và Đan Mạch đạt 142,93 triệu USD, giảm 1,5% so với quý III/2023 và giảm 14,4% so với quý IV/2022. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Đan Mạch đạt xấp xỉ 92,36

triệu USD, tăng 5,9% so với quý III/2023, nhưng giảm 16% so với quý IV/2022; nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Đan Mạch đạt 50,57 triệu USD, giảm 12,5% so với quý III/2023 và giảm 11,1% so với quý IV/2022.

Trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Đan Mạch trong quý IV và năm 2023

Hoạt động	Quý IV/2023 (Nghìn USD)	So với quý III/2023 (%)	So với quý IV/2022 (%)	Năm 2023 (Nghìn USD)	So với năm 2022 (%)
Tổng xuất nhập khẩu	142.931	-1,5	-14,4	556.508	-22,8
Xuất khẩu	92.358	5,9	-16,0	342.826	-30,7
Nhập khẩu	50.573	-12,5	-11,1	213.681	-5,6
Cân cân thương mại	41.785	42,1	-21,3	129.145	-51,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Năm 2023, kinh tế Đan Mạch gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao khiến nhu cầu tiêu dùng nội địa giảm. Do đó, Đan Mạch có xu hướng giảm nhập khẩu hàng hóa từ thị trường ngoại khối. Theo Eurostat, 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu hàng hóa của Đan Mạch từ thị trường ngoại khối giảm 18% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 22,51 triệu USD. Trong đó, Đan Mạch giảm nhập khẩu nhiều mặt hàng như: hàng dệt may, giày dép, đồ nội thất bằng gỗ, sắt thép và sản phẩm từ sắt thép, cà phê...

Việt Nam là thị trường cung hàng hóa ngoại khối lớn thứ 15 cho Đan Mạch, đạt 284 triệu Euro trong 9 tháng đầu năm 2023, giảm 30,8% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Đan Mạch giảm nhập khẩu các mặt hàng từ Việt Nam như: giày dép (mã HS 64) giảm 2,0%, đạt 28,2 triệu Euro; hàng dệt, may (HS 61, 62) giảm 8,2%, đạt 20,8 triệu Euro; đồ nội thất bằng gỗ (mã HS 940161, 940169, 940330, 940340, 940350, 940360) giảm 39,9%, đạt 20,8 triệu Euro, sắt thép và sản phẩm từ sắt thép (mã HS72,73) giảm 14,7%, đạt 13,5 triệu Euro ...

VỀ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Đan Mạch đạt 314,26 triệu USD, giảm 30,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó, hầu hết các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Đan Mạch giảm như: hàng dệt may giảm 37,6%; hàng thủy sản giảm 45,9%; gỗ và sản phẩm gỗ giảm 41,1%; giày dép các loại giảm 31,9% ... Ngược lại, xuất khẩu một số mặt hàng như dây điện và dây cáp điện; sản phẩm từ sắt thép; cà phê sang Đan Mạch tăng mạnh, tốc độ tăng lần lượt 87,6%; 73,1%; 82%.



Mặc dù kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng của Việt Nam sang thị trường Đan Mạch giảm, nhưng thị phần trong tổng nhập khẩu của nước này

lại tăng. Điều này cho thấy hàng hóa của Việt Nam đang tận dụng khá tốt những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA. Theo đó, thị phần giày dép của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU tăng từ 13,4% trong 9 tháng năm 2022 lên 15,5% trong 9 tháng năm 2023; hàng dệt may tăng từ 1,68% lên 1,84%; sắt thép và sản phẩm từ sắt thép tăng từ 0,97% lên 1,06%...

Đáng chú ý, cà phê là một trong những mặt hàng xuất khẩu sang Đan Mạch tăng mạnh trong 11 tháng năm 2023, đạt 1,6 nghìn tấn, trị giá 3,5 triệu USD, tăng 62,86% về lượng và tăng 81,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu cà phê của Đan Mạch giảm, nhập khẩu từ Việt Nam vẫn tăng mạnh cho thấy cà phê của Việt Nam có khả năng cạnh tranh cao tại thị trường. Theo thống kê từ Eurostat, trong 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu cà phê của Đan Mạch từ thị trường ngoại khối giảm 4,7%, nhưng nhập khẩu từ Việt Nam là tăng 86,9%. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Đan Mạch từ thị trường ngoại khối chiếm 5,86% trong 9 tháng đầu năm 2023. Hiện tiêu thụ cà phê tại Đan Mạch tính theo đầu người ở mức khá cao, trung bình khoảng 4 cốc cà phê/ngày/người. Cà phê là một phần quan trọng trong văn hóa của người Đan Mạch. Do đó, đây là thị trường còn tiềm năng đối với ngành cà phê Việt Nam.

Triển vọng xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Đan Mạch năm 2024

Các chỉ số công bố mới đây cho thấy, kinh tế Đan Mạch có dấu hiệu phục hồi, sản xuất công nghiệp tăng mạnh, lạm phát giảm, niềm tin kinh doanh có tín hiệu tích cực. Theo số liệu từ Eurostat, sản xuất công nghiệp tại Đan Mạch tăng 6,9% vào tháng 10/2023; lạm phát tháng 11/2023 ở mức 0,3%; niềm tin kinh doanh đã tăng lên – 9 vào tháng 12/2023 từ mức thấp – 16 vào tháng 11/2023. Ủy ban Châu Âu (EC) dự báo nền kinh tế Đan Mạch sẽ tăng trưởng 1,2% năm 2023 và tăng 1,4% vào năm 2024. Kinh tế phục hồi sẽ kéo theo nhu cầu nhập khẩu hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu thụ nội địa và nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp chế biến tăng. Đây là cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam nếu nắm bắt được cơ hội thị trường và tận dụng tốt EVFTA.

Cơ cấu hàng hóa của Việt Nam và Đan Mạch mang tính bổ sung, tương hỗ lẫn nhau, ít cạnh tranh trực tiếp. Đan Mạch có vai trò là thị trường tiêu thụ và là cửa ngõ quan trọng để hàng hóa của Việt Nam, đặc biệt là các sản phẩm nông, thủy sản thâm nhập vào các nước Bắc Âu khác. Tuy nhiên, kim ngạch hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang Đan Mạch còn khá khiêm tốn (chiếm tỷ trọng 1,26% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Đan Mạch từ thị trường ngoại khối). Do đó, Việt Nam còn nhiều dư địa để khai thác thị trường Đan Mạch, nhất là với các

mặt hàng tiêu dùng như dệt may, giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ.

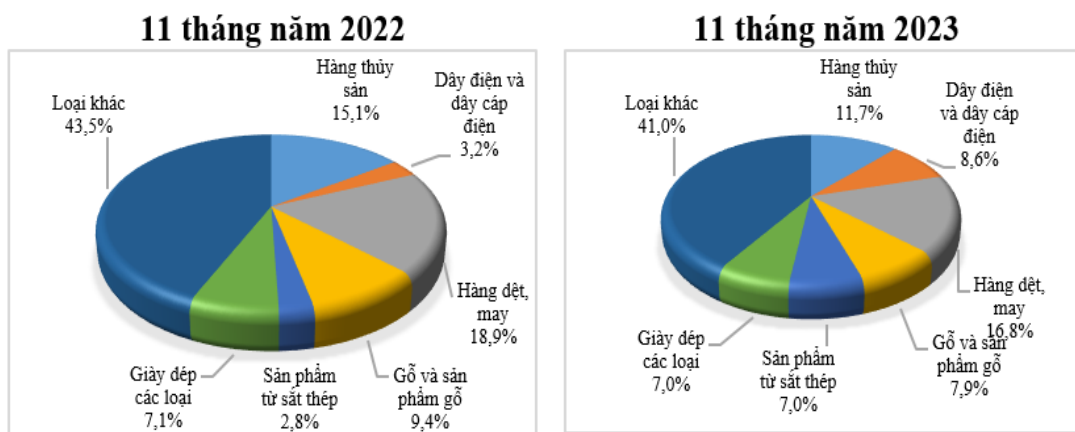
Với mặt hàng dệt may, nếu tiếp cận được các nhà sản xuất và xuất khẩu hàng dệt may của Đan Mạch, doanh nghiệp Việt Nam không chỉ tiếp cận được thị trường Đan Mạch mà còn có cơ hội đưa sản phẩm cung cấp cho các thị trường châu Âu thông qua chuỗi phân phối của Đan Mạch. Tuy nhiên, dệt may Việt Nam cũng phải cạnh tranh với các thị trường cung cấp khác như Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Ba Lan, Bangladesh...

Với mặt hàng giày dép, thị trường Đan Mạch còn nhiều dư địa tiềm năng cho xuất khẩu của Việt Nam. Do đặc điểm khí hậu đặc thù tại đây nên mỗi người thường phải có cả giày boots mùa đông, giày thể thao mùa hè, dép xăng đan và giày da. Nhờ sức mua cao và chất lượng cuộc sống tốt nên người tiêu dùng nói chung bị thu hút bởi các sản phẩm chất lượng, sáng tạo và thân thiện với môi trường.

Đối với mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ (bàn, ghế, tủ, giường), các nhà nhập khẩu sản phẩm này ở Đan Mạch thường quan tâm đến giá và chất lượng sản phẩm, đặc biệt thường phải có thiết kế đặc biệt và khác biệt. Do vậy, các nhà nhập khẩu thường tự thiết kế và đặt sản xuất theo yêu cầu tại các nước đang phát triển để giảm giá thành.

Cơ cấu hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Đan Mạch

(% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu:

Hiện Việt Nam chủ yếu nhập khẩu từ thị trường Đan Mạch các mặt hàng máy móc, thiết bị, sản phẩm hoá chất, dược phẩm... phục vụ nhu cầu trong nước.

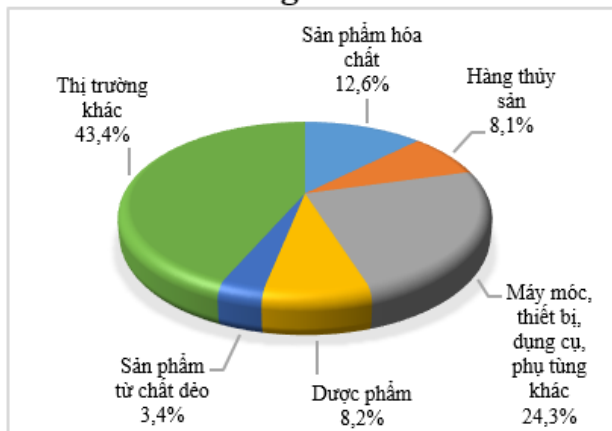
Số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, 11 tháng năm

2023, Việt Nam nhập khẩu hàng hóa từ Đan Mạch đạt 195,87 triệu USD, giảm 4,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Việt Nam giảm nhập khẩu hầu hết các mặt hàng từ Đan Mạch, ngoại trừ hàng thủy sản, nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày, sắt thép các loại.

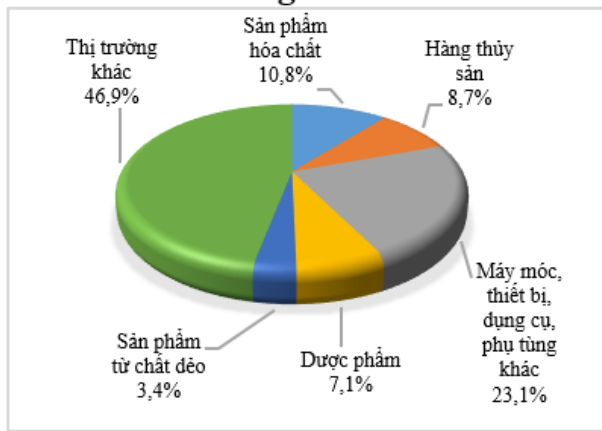
Cơ cấu hàng hóa Việt Nam nhập khẩu từ thị trường Đan Mạch

(% tính theo trị giá)

11 tháng năm 2022



11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

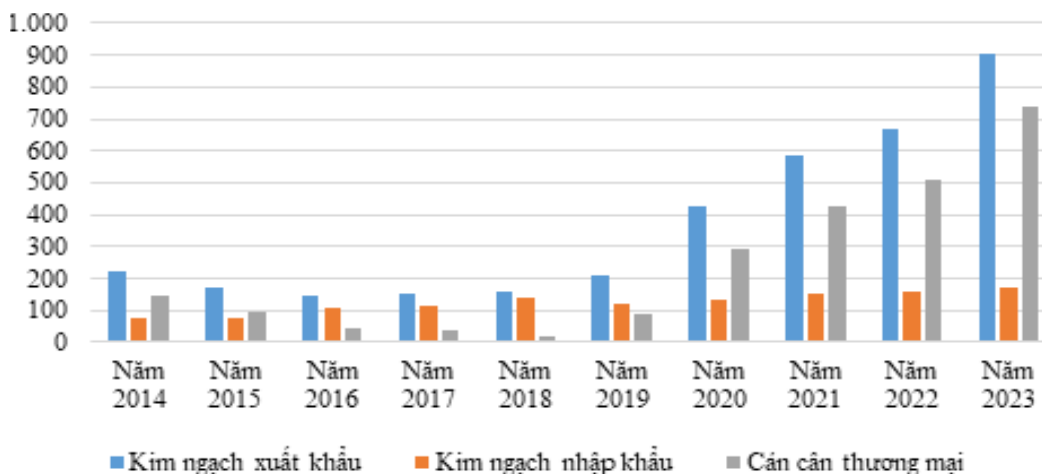
Triển vọng thương mại hàng hóa giữa VIỆT NAM VÀ CH SÉC

Thương mại hai chiều giữa Việt Nam và CH Séc đã tăng trưởng mạnh kể từ sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực

Việt Nam và Cộng hòa Séc (CH Séc) có quan hệ hữu nghị truyền thống, gắn bó từ nhiều thập kỷ qua. Hiện nay, nền kinh tế của Việt Nam và Cộng hòa Séc đang phát triển với nhịp độ cao và

cùng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới và khu vực. Điều đó đã tạo cơ hội thuận lợi cho phát triển hợp tác song phương về kinh tế, thương mại và đầu tư giữa hai nước.

Thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và CH Séc giai đoạn năm 2014-2023 (Đvt: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan và ước tính năm 2023

Theo dõi tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và CH Séc trong 10 năm qua thấy rằng, tổng thương mại hai chiều giữa hai nước đã tăng

liên tiếp. Đặc biệt, kể từ khi EVFTA có hiệu lực, tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và CH Séc đã tăng vọt. Tính riêng trong giai đoạn 2020-

2023, tổng thương mại hai chiều giữa Việt Nam và CH Séc đã tăng trưởng bình quân 24,75%/năm, tăng đáng kể so với giai đoạn 2014-2019 (chỉ tăng trưởng bình quân ở mức 2,47%/năm).

Tính chung trong giai đoạn 2014-2023, tổng thương mại hai chiều giữa Việt Nam và CH Séc đã tăng từ mức 294,3 triệu USD lên 1,077 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 15,5%/năm.

Tính riêng quý IV/2023, tổng thương mại hai chiều giữa Việt Nam và CH Séc đạt 347 triệu USD, tăng 38,9% so với quý III/2023 và tăng 41,2% so với quý IV/2022. Tính chung cả năm 2023. Tổng thương mại hai chiều giữa Việt Nam và CH Séc đạt 1,077 tỷ USD, tăng 29,8% so với năm 2022. Trong đó, xuất khẩu đạt 907 triệu USD, tăng 35,5%; nhập khẩu đạt 170 triệu USD, tăng 6%.

Trao đổi thương mại giữa Việt Nam và CH Séc trong quý IV và năm 2023

	Quý IV/2023 (triệu USD)	So với quý III/2023 (%)	So với quý IV/2022 (%)	Năm 2023 (triệu USD)	So với năm 2022 (%)
Tổng xuất nhập khẩu	347	38,9	41,2	1.077	29,8
Xuất khẩu	301	43,7	48,3	907	35,5
Nhập khẩu	46	13,9	7,6	170	6,0
Cán cân thương mại	255	50,9	59,2	736	44,8

VỀ XUẤT KHẨU:

Năm 2023, mặc dù kinh tế Séc đối mặt với nhiều khó khăn, nhu cầu nhập khẩu giảm, nhưng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang CH Séc vẫn tăng trưởng khả quan cho thấy các doanh nghiệp đã khai thác hiệu quả những ưu đãi từ EVFTA. Theo Cơ quan thống kê châu Âu, 10 tháng năm 2023, nhập khẩu hàng hóa của CH Séc đạt 178,45 tỷ Euro, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng và máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là 2 mặt hàng xuất khẩu chủ yếu

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

sang thị trường CH Séc. Kim ngạch xuất khẩu 2 mặt hàng này chiếm 74,8% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này.

Trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng của Việt Nam sang CH Séc đạt 439,4 triệu USD, tăng 66,28% so với cùng kỳ năm 2022; xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 164,06 triệu USD, tăng 33,28%; xuất khẩu hàng dệt may tăng 60,6%; sản phẩm từ chất dẻo tăng 48,4%; túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù tăng 40,7%; cao su tăng 108,1%...

Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường CH Séc

(Đvt: % tính theo kim ngạch xuất khẩu)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Ngược lại, xuất khẩu một số mặt hàng sang thị trường CH Séc trong 11 tháng năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 như: giày dép các loại giảm 18,9%; sản phẩm từ sắt thép giảm 44,5%...

Việt Nam hiện là nguồn cung hàng hóa ngoại khối thứ 11 tại CH Séc, chiếm 2,0% tổng trị giá nhập khẩu. Nhiều mặt hàng của Việt Nam đang có lợi thế tại CH Séc khi chiếm thị phần khá lớn, trong đó có giày dép chiếm 25,11%, hàng thủy sản chiếm 22,94%...

Có thể thấy, mặc dù thị phần hàng hóa nói chung của Việt Nam tại CH Séc chỉ chiếm khoảng 2%, nhưng nhiều mặt hàng của Việt Nam đã và đang có chỗ đứng tại thị trường khi chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng nhập khẩu của nước này.

Theo dự báo của EC, kinh tế CH Séc sẽ tăng 1,4% vào năm 2024 và 3,0% vào năm 2025. Lạm phát tại Séc sẽ giảm từ 12,2% năm 2023 xuống 3,2% vào năm 2024. Lạm phát giảm mạnh sẽ là yếu tố hỗ trợ chi tiêu tiêu dùng của người dân Séc trong năm 2024, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa sẽ phục hồi. Với những lợi thế cạnh tranh từ Hiệp định EVFTA, xuất

khẩu hàng hóa của Việt Nam sang CH Séc nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan.



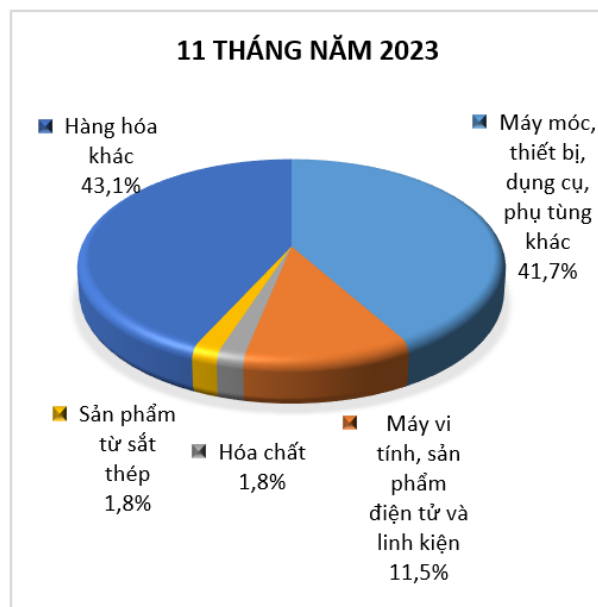
Về nhập khẩu:

Trong 11 tháng năm 2023, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường CH Séc đạt 155,3 triệu USD, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Việt Nam nhập khẩu chủ yếu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác và máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, chiếm 55,23% tổng kim ngạch trong 11 tháng năm 2023.

Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam từ CH Séc

(Đvt: % tính theo kim ngạch nhập khẩu)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

XUẤT KHẨU NÔNG SẢN SANG EU

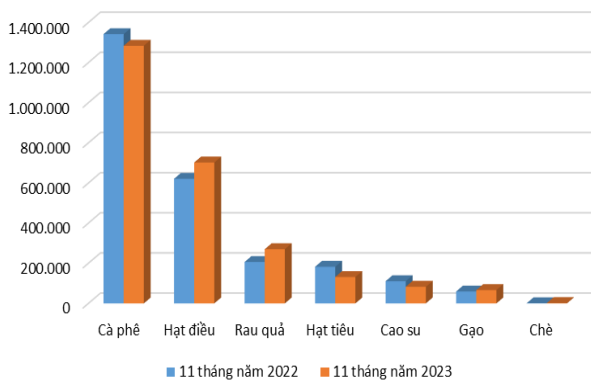
duy trì đà tăng trưởng

EU được đánh giá là thị trường tiềm năng đối với các mặt hàng nông sản của Việt Nam, nhất là từ khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) có hiệu lực. Theo đó, nhiều mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam xuất khẩu sang EU như gạo, hạt tiêu, hạt điều, rau quả, cà phê, chè và cao su đều được hưởng mức thuế suất ưu đãi ngay sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ tháng 8/2020, mang lại lợi thế cạnh tranh lớn cho nông sản Việt Nam.

Số liệu của Tổng cục Hải quan cho thấy, trong 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU đạt 2,54 tỷ USD, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2022. EU hiện là thị trường xuất khẩu nông sản lớn thứ ba của Việt Nam sau Mỹ và Trung Quốc với tỷ trọng chiếm khoảng 13% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng của cả nước. Ước tính, năm 2023 tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU đạt khoảng 2,8 tỷ USD, tăng 2% so với năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2023

(ĐVT: nghìn USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Dù đã đạt được một số kết quả tích cực, song xuất khẩu nông sản Việt Nam vào EU thời gian qua được đánh giá là vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Một số mặt hàng nông sản của Việt Nam như cao su, gạo, rau quả... mới chỉ chiếm thị phần nhỏ tại thị trường này. Khó khăn lớn nhất mà Việt Nam gặp phải trong xuất khẩu đó chính là điều kiện và tiêu chuẩn của thị trường EU khá cao và nghiêm ngặt. Ngoài các tiêu chuẩn về chất lượng, truy xuất nguồn gốc, an

toàn thực phẩm, các mặt hàng nông sản còn bị sức ép với các yêu cầu về tăng trưởng xanh của EU.

Trong năm 2023, Nghị viện châu Âu (EP) đã thông qua luật mới cấm nhập khẩu các hàng hóa bị cho là liên quan hoạt động phá rừng, nhằm thúc đẩy nỗ lực toàn cầu chống biến đổi khí hậu. Theo đó, quy định sẽ được áp dụng với các sản phẩm cà phê, ca-cao, đậu nành, gỗ, dầu cọ, thịt gia súc, cao su... và các sản phẩm phái sinh.

Để tận dụng hiệu quả lợi thế về thuế quan từ Hiệp định EVFTA, đáp ứng các quy định ngày càng khắt khe của thị trường này, ngành nông nghiệp cần tiếp tục thay đổi các phương thức sản xuất, nuôi trồng theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt, hướng đến các tiêu chí sản xuất xanh, bền vững.

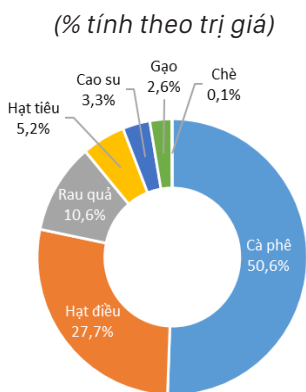
Về mặt hàng, trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu hạt điều, rau quả, gạo và chè của Việt Nam sang EU đều tăng trưởng cao ở mức hai con số; ngược lại cà phê, hạt tiêu, cao su lại giảm.

Cà phê: Đây là mặt hàng nông sản có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam vào EU trong 11 tháng năm 2023 với kim ngạch đạt 1,28 tỷ USD, chiếm 50,6% tổng xuất khẩu nông sản của Việt Nam vào thị trường này. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2022 kim ngạch xuất khẩu cà phê sang EU đã giảm nhẹ 4,3%.

Nguyên nhân là do sản lượng cà phê của Việt Nam niên vụ 2022-2023 vừa qua giảm 10 - 15% so với niên vụ trước do thời tiết không thuận lợi và xu hướng chuyển dịch cây trồng sang các loại cây ăn trái. Bên cạnh đó, giá cà phê thế giới tăng cao khiến các nhà nhập khẩu tại EU chuyển sang sử dụng cà phê tồn kho thay vì nhập khẩu. Theo USDA, tồn kho cà phê tại EU đã giảm 3,3 triệu bao xuống còn 9,3 triệu bao trong niên vụ 2023/24 do mức tiêu thụ mạnh hơn dự đoán.

Trong năm 2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang EU được dự báo sẽ có nhiều thuận lợi khi EU có xu hướng tăng mạnh nhập khẩu cà phê từ Việt Nam do thị hiếu tiêu dùng cà phê của người dân EU đang có sự chuyển dịch sang cà phê đặc sản Robusta. Đây cũng là lợi thế cho cà phê Việt Nam thâm nhập vào thị trường này thời gian tới. Bên cạnh đó, USDA dự báo nhập khẩu cà phê của EU sẽ tăng mạnh từ 44,47 triệu bao trong niên vụ 2022-2023 lên mức kỷ lục 47,5 triệu bao trong niên vụ 2023-2024.

Cơ cấu các mặt hàng nông sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hạt điều: Kim ngạch xuất khẩu hạt điều sang thị trường EU cũng ghi nhận mức tăng trưởng khá cao trong 11 tháng năm 2023, với mức tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2022 lên 702,1 triệu USD. Hạt điều hiện là nông sản xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam vào EU sau cà phê. Ở chiều ngược lại, Việt Nam đang là thị trường cung cấp hạt điều lớn nhất cho thị trường EU. Hiệp định EVFTA sau một thời gian đưa vào thực thi đã phát huy hiệu quả rất rõ rệt. Theo đó, ngay sau khi EVFTA có hiệu lực, thuế suất đối với các sản phẩm hạt điều nhập khẩu từ Việt Nam giảm về 0%. Đây là dấu mốc quan trọng, cơ hội lớn cho doanh nghiệp điều. Bởi trước khi EVFTA thực thi, thuế quan của mặt hàng hạt điều nhập khẩu vào EU từ Việt Nam dao động 7 - 12%.

Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ hạt điều tại những quốc gia EU như Hà Lan và Đức không ngừng tăng cao bởi nhu cầu lớn từ những ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và nhu cầu tiêu dùng cuối cùng của người dân. Điều này cho thấy, khu vực EU đang là một thị trường giàu tiềm năng đối với hạt điều của Việt Nam và có nhiều cơ hội đẩy mạnh trong thời gian tới.

Gạo: Nhờ tận dụng hiệu quả các lợi thế từ Hiệp định EVFTA, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU đã có sự bứt phá mạnh mẽ trong thời gian qua. Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường này đã tăng 12,2% sau 11 tháng năm 2023 lên mức kỷ lục 66,5 triệu USD. Hiệp định EVFTA đã mở ra cơ hội cho gạo Việt Nam cạnh tranh sòng phẳng với gạo của các quốc gia khác như Thái Lan, Ấn Độ khi xuất khẩu vào EU, đặc biệt là đối với các dòng gạo đặc sản có giá trị cao (gạo thơm các loại, gạo cao cấp, gạo nếp, gạo janopica...).

Nhu cầu nhập khẩu gạo của EU cũng được báo sẽ duy trì ở mức cao trong những năm tới do sản lượng lúa gạo của khu vực thu hẹp do hạn hán, thời tiết khắc nghiệt. Hiện các loại gạo thơm và gạo màu thường

không được sản xuất ở châu Âu và được nhập khẩu chủ yếu từ các nước châu Á. Việc nhập khẩu từ các nhà cung cấp ngoài châu Âu có xu hướng tăng do nhu cầu về các loại gạo này ngày càng cao. Các điều kiện thương mại thuận lợi cũng giúp thúc đẩy các hoạt động nhập khẩu.

Mới đây, gạo đặc sản ST25 – giống gạo từng đạt danh hiệu gạo ngon nhất thế giới do tổ chức The Rice Trade tổ chức đã chính thức được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu vào thị trường Liên minh châu Âu (EU). Cùng ST25, giống ST24 cũng được hưởng ưu đãi thuế khi xuất khẩu vào EU. Trước khi ST24 và ST25 được hưởng ưu đãi, 9 giống gạo của Việt Nam cũng được hưởng ưu đãi thuế khi xuất khẩu vào EU, gồm: Jasmine 85, ST5, ST20, Nàng Hoa 9, VÐ20, RVT, OM 4900, OM 5451 và Tài Nguyên Chợ Đào. Đây là cơ hội gia tăng kim ngạch xuất khẩu gạo vào thị trường đầy tiềm năng này.



Rau quả: Trong 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU đã tăng tới 30,9% so với cùng kỳ năm 2022. Như vậy, kể từ sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, rau quả là mặt hàng duy trì tốc độ tăng trưởng mạnh ở mức hai con số.

Cơ hội cho trái cây và rau Việt Nam tại Liên minh châu Âu (EU) được đánh giá là rất lớn, bởi nhu cầu tiêu dùng rau quả nhiệt đới của EU trải đều trong năm và phụ thuộc phần lớn vào việc nhập khẩu từ bên ngoài. Việt Nam có lợi thế rất lớn khi có thể sản xuất được rau, quả quanh năm với các loại rau quả rất đa dạng. Ngoài ra, Hiệp định EVFTA giúp xóa bỏ đến 94% các dòng thuế cho rau quả (trước đó có thuế suất 10-20%), tạo lợi thế cạnh tranh so với Thái Lan và Trung Quốc.

Hạt tiêu: EU được đánh giá là thị trường tiềm năng đối với hạt tiêu Việt Nam. Hiện châu Âu là một trong những nhà nhập khẩu hạt tiêu lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 1/3 lượng nhập khẩu toàn cầu. Hạt tiêu nhập khẩu vào EU thường được chế biến sâu và có giá trị gia tăng cao.

Đối với Việt Nam, Hiệp định EVFTA đã mở ra cơ hội lớn cho ngành hạt tiêu và gia vị với nhiều dòng thuế được hưởng mức thuế suất 0% tạo lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ khác như Brazil và Indonesia.

Không những vậy, chất lượng hạt tiêu của Việt Nam cũng đang ngày một cải thiện và đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Tính đến giữa tháng 10/2023, châu Âu đã có 42 cảnh báo đối với sản phẩm hồ tiêu và một số gia vị khác, trong đó có 17 trường hợp cảnh báo đối với mặt hàng tiêu đen từ Brazil do nhiễm Salmonella. Với Việt Nam, mặc dù xuất khẩu gia vị hàng đầu vào EU nhưng chỉ ghi nhận 2 trường hợp đối với chlorfenapyr, hexaconazole trên hồ tiêu và ớt.

Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2023

Mặt hàng	11 tháng năm 2022	11 tháng năm 2023	So sánh	Tỷ trọng (%)	
	Nghìn USD	Nghìn USD		%	11 tháng năm 2022
Tổng	2.522.329	2.538.669	0,6	100,0	100,0
Cà phê	1.341.788	1.283.791	-4,3	53,2	50,6
Hạt điều	620.759	702.139	13,1	24,6	27,7
Rau quả	206.443	270.155	30,9	8,2	10,6
Hạt tiêu	182.594	131.483	-28,0	7,2	5,2
Cao su	110.514	82.901	-25,0	4,4	3,3
Gạo	59.282	66.532	12,2	2,4	2,6
Chè	949	1.668	75,8	0,0	0,1

Về thị trường:

Tính chung 11 tháng năm 2023, Đức vẫn là thị trường xuất khẩu nông sản lớn nhất của Việt Nam tại EU với kim ngạch đạt 609,2 triệu USD, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm 2022 và chiếm gần 24% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam vào EU.

Kim ngạch xuất khẩu nông sản sang một số thị trường lớn khác như Italia, Bỉ và Pháp cũng giảm lần lượt là 6,2%, 43,4% và 5,8%.

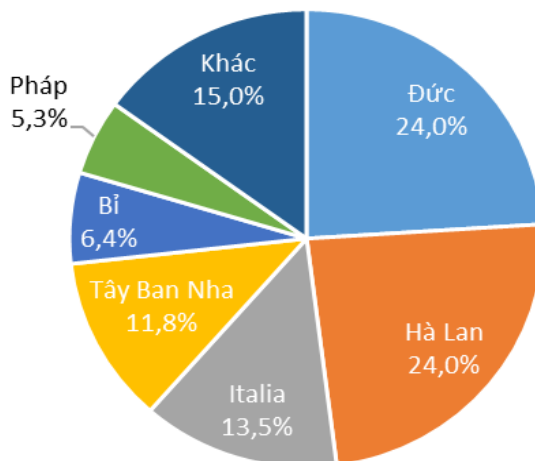
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu sang một số thị trường tăng khá mạnh như Hà Lan tăng 22,3%, Tây Ban Nha tăng 8,5%; Ba Lan tăng 23,1%, đặc biệt Litva tăng đến 83,7%...

Với nhu cầu của thị trường ở mức cao và những lợi thế từ Hiệp định EVFTA, xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan trong năm 2024.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu nông sản của Việt Nam tại EU trong 11 tháng năm 2023

(% theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY SANG EU năm 2024 sẽ dần phục hồi

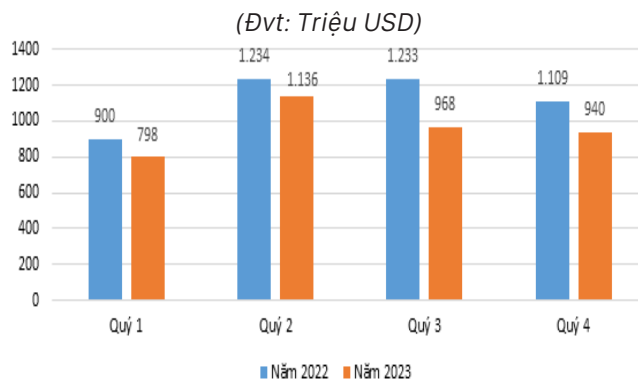
Theo ước tính, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU quý IV/2023 đạt 940 triệu USD, giảm 2,9% so với quý III/2023 và giảm 15,2% so với quý IV/2022. Tính chung cả năm 2023, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU ước đạt 3,843 tỷ USD, giảm 14,1% so với năm 2022.

Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2023 đạt 3,54 tỷ USD, giảm 13,8% so với cùng kỳ năm 2022. Mặc dù lạm phát tại EU đã giảm trong những tháng gần đây, nhưng mức giá cao kéo dài khiến người tiêu dùng thận trọng trong chi tiêu tiêu dùng, trong đó có hàng dệt may. Do đó, xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường EU giảm ở mức hai con số trong năm 2023.

Về thị trường

Trong 11 tháng năm 2023, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang nhiều thị trường trong khối giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Pháp giảm mạnh nhất, giảm 38,2%, tiếp đến là thị trường Đức giảm 21,3%,

Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU qua các quý

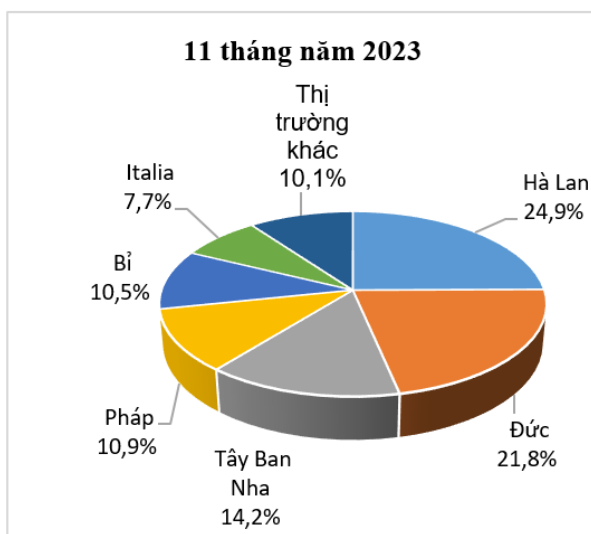
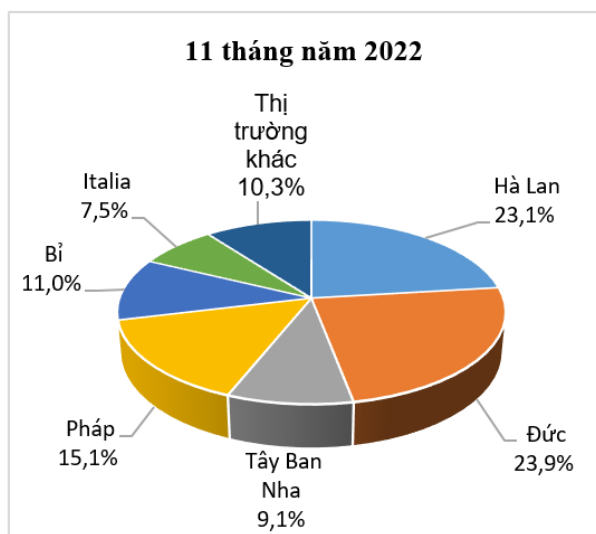


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bỉ giảm 18,1%... Ngược lại, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang Tây Ban Nha tăng 33,9%, Croatia tăng 42,2%, Cộng hòa Séc tăng 60,6%, Rumani tăng 19,2%, Latvia tăng 62,2%...

Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam tại EU

(Đvt: % tính theo kim ngạch xuất khẩu)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

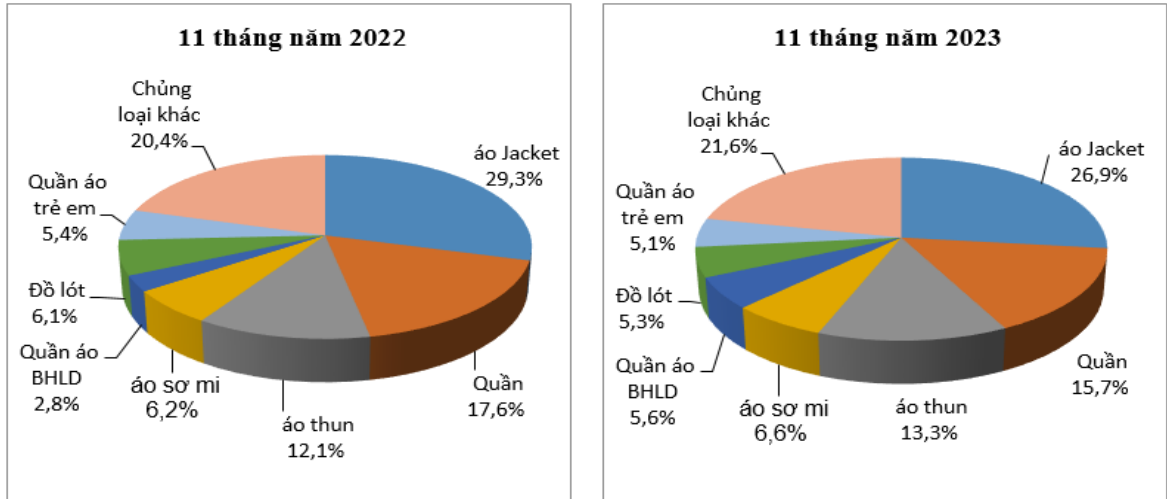
Về chủng loại xuất khẩu:

Việt Nam xuất khẩu chủ yếu áo Jacket, quần dài các loại, áo thun, áo sơ mi, quần áo BHLĐ, đồ lót, quần áo trẻ em sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2023, chiếm 78,4% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường này.

Xuất khẩu hầu hết chủng loại hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 như: áo Jacket giảm 21,1%, quần dài các loại giảm 23%, đồ lót giảm 26%... Ngược lại, xuất khẩu quần áo BHLĐ tăng 72,1%, quần áo bơi tăng 3,7%, áo len tăng 60,8%...

Cơ cấu chủng loại hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU

(Đvt: % tính theo kim ngạch xuất khẩu)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhu cầu nhập khẩu hàng may mặc của EU, thị phần của Việt Nam

Theo dữ liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu, nhập khẩu hàng may mặc (mã HS 61,62) của EU trong 10 tháng năm 2023 đạt 147,5 tỷ Eur (162,5 tỷ USD), giảm 13,5% so với cùng kỳ năm 2022. Cơ cấu thị trường cung cấp hàng may mặc vào EU bao gồm cả thị trường nội khối và ngoại khối với tỷ trọng tương đối đồng đều. Đáng chú ý, nhập khẩu hàng may mặc từ thị trường ngoại khối trong 10 tháng năm 2023 giảm mạnh hơn so với thị trường nội khối, lần lượt là 11,2% và 15,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong thị trường ngoại khối, EU nhập khẩu hàng may mặc chủ yếu từ Trung Quốc, Bangladesh và Thổ Nhĩ Kỳ

Kỳ, chiếm 60,79% tổng trị giá nhập khẩu từ thị trường ngoại khối. Việt Nam là thị trường cung cấp hàng dệt may lớn thứ 5 cho EU, thị phần hàng may mặc của Việt Nam trên tổng nhập khẩu của EU trong 10 tháng năm 2023 ổn định ở mức 2,2% của cùng kỳ năm 2022. Trong 10 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu hàng may mặc của EU từ Việt Nam giảm 13,4%, mức giảm thấp hơn đáng kể so với nhập khẩu từ 2 thị trường lớn nhất là Trung Quốc và Bangladesh. Trong đó, nhập khẩu hàng may mặc của EU từ thị trường Trung Quốc giảm mạnh nhất, giảm 20,9% so với cùng kỳ năm 2022; Bangladesh giảm 19,4%...

Thị trường cung cấp hàng may mặc hàng đầu cho EU trong 10 tháng năm 2023

Thị trường	Nhập khẩu của EU			Tỷ trọng trên tổng nhập khẩu của EU (%)		Tỷ trọng theo khối (%)	
	10T/2023 (Triệu EUR)	10T/2023 (triệu USD)	So với 10 tháng năm 2022 (%)	10 tháng năm 2023	10 tháng năm 2022	10 tháng năm 2023	10 tháng năm 2022
Tổng	147.509	162.555	-13,5	100,00	100,00		
Nội khối	73.882	81.418	-11,2	50,09	48,79	100,00	100,00
Ngoại khối	73.627	81.137	-15,7	49,91	51,21	100,00	100,00
Trung Quốc	20.184	22.242	-20,9	13,68	14,98	27,41	29,25
Bangladesh	15.896	17.518	-19,4	10,78	11,57	21,59	22,59
Thổ Nhĩ Kỳ	8.678	9.563	-13,9	5,88	5,91	11,79	11,54

Thị trường	Nhập khẩu của EU			Tỷ trọng trên tổng nhập khẩu của EU (%)		Tỷ trọng theo khối (%)	
	10T/2023 (Triệu EUR)	10T/2023 (triệu USD)	So với 10 tháng năm 2022 (%)	10 tháng năm 2023	10 tháng năm 2022	10 tháng năm 2023	10 tháng năm 2022
Ấn Độ	3.743	4.125	-11,6	2,54	2,48	5,08	4,85
Việt Nam	3.251	3.583	-13,4	2,20	2,20	4,42	4,30
Pakistan	2.759	3.040	-17,5	1,87	1,96	3,75	3,83
Campuchia	2.755	3.036	-14,2	1,87	1,88	3,74	3,68
...							

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu

Dự báo, xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang EU năm 2024 sẽ phục hồi khi doanh số bán hàng tại khu vực có dấu hiệu phục hồi. Theo Cơ quan Thống kê châu Âu, tháng 9/2023, chỉ số doanh số bán hàng may mặc của EU đạt trung bình 113,9 điểm, tăng so

với mức 103,4 điểm của cùng kỳ năm 2022. Doanh thu bán hàng may mặc của EU phục hồi trở lại trong bối cảnh lạm phát tại EU tiếp tục giảm, thị trường lao động mạnh, sẽ là tín hiệu tốt cho thị trường tiêu dùng quần áo của EU trong thời gian tới.

Nhập khẩu

MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG TỪ EU

tăng khả quan trong năm 2023

Những tháng cuối năm 2023, với nền tảng vĩ mô ổn định, cùng với các biện pháp đồng bộ nhằm hỗ trợ sản xuất trong nước, mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu được triển khai quyết liệt, sản xuất công nghiệp trong nước đã có những tín hiệu tích cực.

Điều này đã tác động đến nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng của Việt Nam, trong đó có nhập khẩu từ thị trường EU. Ước tính, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng của Việt Nam từ thị trường EU trong quý IV/2023 đạt 842 triệu USD, tăng 17,31% so với quý trước và tăng 13,2% so với cùng kỳ năm 2022.

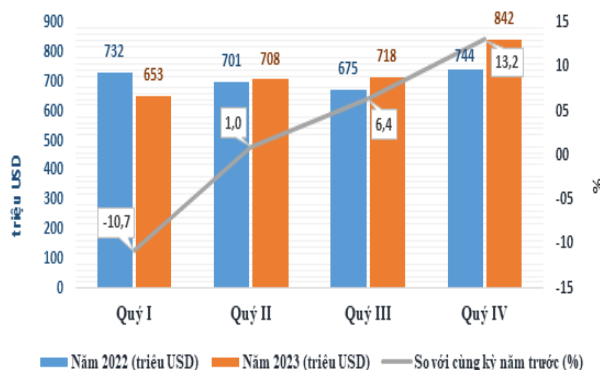
Tính chung trong năm 2023, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng từ EU ước đạt 2,92 tỷ USD, tăng 2,4% so với năm 2022.

Thị trường xuất khẩu

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác của Việt Nam từ thị trường EU trong 11 tháng năm 2023, chiếm 7,0% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của cả nước, đạt 2,62 tỷ USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2022.

11 tháng năm 2023, trong EU, Đức là thị trường cung cấp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng lớn nhất

Kim ngạch và tăng trưởng nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng từ EU qua các quý trong giai đoạn 2022 – 2023



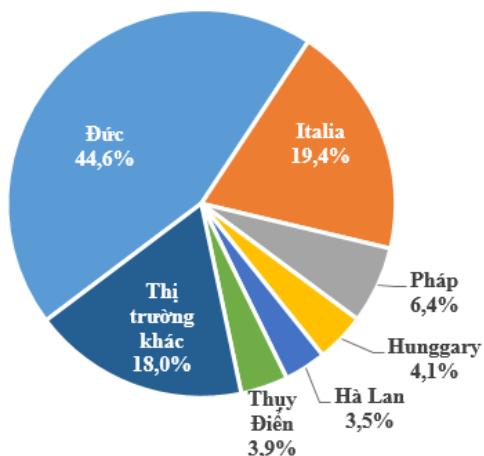
Nguồn: Tổng cục Hải quan và ước tính quý IV/2023

cho Việt Nam, chiếm tỷ trọng 46,5%, đạt 1,18 tỷ USD, tăng 4,0% so với cùng kỳ năm 2022.

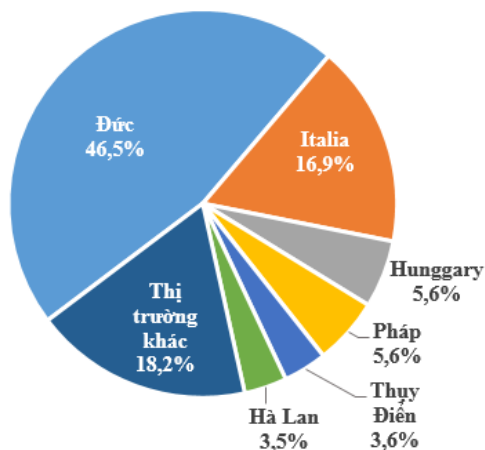
Trong khi đó, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng từ một số thị trường trong khối tăng mạnh như: Pháp tăng 36,6%, Hungary tăng 25,6%, Ba Lan tăng 43,9%... Ngược lại, nhập khẩu từ thị trường Italia giảm 15,5%, Thụy Điển giảm 9,3%, Tây Ban Nha giảm 1,4%...

Cơ cấu thị trường thuộc EU cung cấp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng cho Việt Nam

11 tháng năm 2022



11 tháng năm 2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác từ các thị trường thuộc EU về Việt Nam trong 11 tháng năm 2023

Thị trường	11 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2022 (%)
Tổng	2.624.201	2,9
Đức	1.181.540	4,0
Italia	418.773	-15,5
Pháp	223.910	36,6
Hunggary	131.675	25,6
Hà Lan	93.043	4,6
Thụy Điển	91.117	-9,3
Ba Lan	83.912	43,9
Áo	79.382	7,6
Séc	64.838	9,7
Tây Ban Nha	63.944	-1,4
Phần Lan	61.251	6,4
Bỉ	46.752	-19,6
Đan Mạch	45.269	-9,2
Ai Len	38.794	2,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của EU sang Việt Nam trong tháng 9/2023 giảm tháng thứ 2 liên tiếp, đạt 130,32 triệu EUR, giảm 8,4% so với tháng 8/2023 và giảm 22,8% so với tháng 9/2022. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 sang Việt Nam chiếm 0,20% tỷ trọng, đạt 1,27 tỷ EUR, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Theo thống kê từ Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), xuất khẩu nhóm hàng lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí, các bộ phận của chúng (HS 84) của EU tháng 9/2023 đạt 70,61 tỷ EUR, tăng 11,9% so với tháng 8/2023, nhưng giảm 4,0% so với cùng kỳ năm 2022.

Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu mặt hàng có mã HS 84 của EU đạt 628,67 tỷ EUR, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu sang các thị trường nội khối chiếm 55,43% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của EU, đạt 348,49 tỷ EUR, tăng 4,3%; xuất khẩu sang các thị trường ngoại khối tăng mạnh, đạt 280,18 tỷ EUR, tăng 9,2%.

Đối với các thị trường ngoại khối, xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của EU nhiều nhất sang Mỹ; tiếp đến là Anh, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy Sĩ, Hàn Quốc, Mexico, Ấn Độ, Braxin, Australia, Đài Loan, Nhật Bản...



Xuất khẩu nhóm hàng có mã HS 84 của EU sang các thị trường ngoại khối trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2023

EU	Tháng 9/2023 (nghìn EUR)	So với tháng 8/2023 (%)	So với tháng 9/2022 (%)	9 tháng đầu năm 2023 (nghìn EUR)	So với 9 tháng đầu năm 2022 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
						Năm 2023	Năm 2022
Tổng	70.610.268	11,9	-4,0	628.670.059	6,4	100,00	100,00
Nội khối	39.581.351	20,0	-4,9	348.489.818	4,3	55,43	56,57
Ngoại khối	31.028.918	3,0	-2,8	280.180.241	9,2	44,57	43,43
Mỹ	6.910.131	1,0	10,8	59.924.935	19,0	9,53	8,53
Anh	3.314.764	6,8	1,3	29.367.158	7,4	4,67	4,63
Trung Quốc	3.015.383	2,1	-10,0	28.469.804	-1,7	4,53	4,90
Thổ Nhĩ Kỳ	1.573.035	12,0	-3,5	14.664.602	25,4	2,33	1,98
Thụy Sĩ	1.475.770	11,0	0,1	12.852.291	10,6	2,04	1,97
Hàn Quốc	1.114.100	1,1	-5,1	9.334.761	0,5	1,48	1,57
Mexico	969.752	0,3	12,8	8.280.262	21,5	1,32	1,15
Ấn Độ	940.633	12,4	15,9	8.170.299	23,1	1,30	1,12
Na Uy	719.211	5,8	4,3	6.115.963	6,3	0,97	0,97
Braxin	592.144	-9,8	-20,7	6.089.994	10,7	0,97	0,93
....							
Việt Nam	130.317	-8,4	-22,8	1.273.530	3,9	0,20	0,21

Nguồn: Eurostat

Nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng về Việt Nam vẫn ở mức cao khi ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp cơ khí của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Ngoài ra, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng phụ tùng còn nhằm phục vụ các dự án FDI đầu tư tại Việt Nam.

Trong 3 năm thực thi Hiệp định EVFTA, không chỉ hưởng lợi trong hoạt động xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã tăng cường nhập khẩu thiết bị máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại, góp phần cho quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, giúp tiêu chuẩn các sản phẩm cao hơn và tăng khả năng gia nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên thị trường thế giới.

Đối với đầu tư nước ngoài, tác động với dòng vốn đầu tư từ EU vào Việt Nam cũng cho thấy những cải thiện rõ rệt xét trong tổng thể kết quả thu hút FDI của Việt Nam. Với nhiều ưu đãi thuế quan và mở cửa thị trường, EVFTA đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp EU tiếp cận và mở rộng kinh doanh đầu tư tại Việt Nam. Tỷ trọng vốn đăng ký từ các nhà đầu tư EU tăng từ khoảng 5% tổng vốn đăng ký bình quân giai đoạn 2016 - 2020 lên mức 8,9% năm 2022 và 9,2% trong 6 tháng đầu năm 2023. Hà Lan, Pháp, Luxembough, Đức, Đan Mạch, Bỉ lần lượt là 6 nhà đầu tư hàng đầu của EU vào Việt Nam.

Chỉ số Niềm tin Kinh doanh được thực hiện hàng quý của Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) cho thấy hơn một nửa số đối

tượng được khảo sát dự đoán sẽ tăng cường đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Cụ thể, Chỉ số niềm tin trong quý III/2023 đã tăng lên 45,1 điểm, từ mức 43,5 điểm của quý trước. Mặc dù con số vẫn ở mức dưới 50 điểm trong 4 quý liên tiếp, mức tăng nhỏ này đã cho thấy một dấu hiệu tích cực trong nền kinh tế

Dự báo, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng của Việt Nam nói chung và từ EU nói riêng trong ngắn hạn vẫn sẽ tăng chậm do tình hình kinh tế thế giới cũng như Việt Nam còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, về dài hạn, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng sẽ tăng trở lại khi kinh tế Việt Nam tiếp tục khả quan, hoạt động xuất khẩu hàng hóa, thu hút đầu tư nước ngoài tiếp tục khởi sắc.



EU hướng dẫn triển khai cơ chế điều chỉnh cacbon biên giới (CBAM)

Ngày 15/9/2023, EU công bố Quy định thực thi (EU) 2023/1773, ngày 17/8/2023, đặt ra các quy tắc áp dụng Quy định (EU) 2023/956 của EU liên quan đến nghĩa vụ báo cáo mục đích của cơ chế điều chỉnh biên giới carbon trong giai đoạn chuyển tiếp. Quy định này có hiệu lực từ ngày 16/9/2023.

Quy định Thực thi nêu chi tiết các nghĩa vụ báo cáo chuyển tiếp đối với các nhà nhập khẩu hàng hóa CBAM của EU, cũng như phương pháp chuyển tiếp để tính toán lượng khí thải tích hợp thải ra trong quá trình sản xuất hàng hóa CBAM.

Để giúp cả các nhà nhập khẩu và nhà sản xuất nước thứ ba, Ủy ban cũng đã công bố hướng dẫn dành cho các nhà nhập khẩu EU và các cơ sở ngoài EU về việc thực hiện thực tế các quy định mới. Đồng thời, các công cụ CNTT chuyên dụng nhằm giúp các nhà nhập khẩu thực hiện và báo cáo các tính toán này hiện đang được phát triển, cũng như các tài liệu đào tạo, hội thảo trực tuyến và hướng dẫn để hỗ trợ doanh nghiệp khi cơ chế chuyển đổi bắt đầu.

Mặc dù các nhà nhập khẩu sẽ được yêu cầu thu thập dữ liệu quý IV kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2023, nhưng báo cáo đầu tiên của họ sẽ chỉ phải được nộp trước ngày 31 tháng 1 năm 2024.

Việc áp dụng dần dần CBAM theo thời gian cũng sẽ cho phép thực hiện quá trình chuyển đổi thận trọng, có thể dự đoán và cân đối cho các doanh nghiệp EU và ngoài EU, cũng như cho các cơ quan công quyền. Trong giai đoạn này, các nhà nhập khẩu hàng hóa trong phạm vi quy định mới sẽ chỉ phải báo cáo lượng phát thải khí nhà kính (GHG) trong hàng nhập khẩu của họ (phát thải trực tiếp và gián tiếp) mà không thực hiện bất kỳ khoản thanh toán hoặc điều chỉnh tài chính nào. Phát thải gián tiếp sẽ được đề cập trong phạm vi sau giai đoạn chuyển tiếp đối với một số lĩnh vực nhất định (xi măng và phân bón), trên cơ sở phương pháp luận xác định được nêu trong Quy định thực thi và hướng dẫn kèm theo được công bố hôm nay.

Quy định Thực thi về các yêu cầu và phương pháp báo cáo mang lại sự linh hoạt nhất định khi xét đến các giá trị được sử dụng để tính toán lượng phát thải gắn liền với hàng nhập khẩu trong giai đoạn chuyển tiếp. Trong năm đầu tiên thực hiện, các công ty sẽ có lựa chọn báo cáo theo ba cách: (a) báo cáo đầy đủ theo phương pháp mới (phương pháp của EU); (b) báo cáo dựa trên hệ thống quốc gia tương đương của nước thứ ba; và (c) báo cáo dựa trên các giá trị tham chiếu. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2025, chỉ phương pháp của EU mới được chấp nhận.

Sau khi cơ chế CBAM được áp dụng hoàn toàn từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các nhà nhập khẩu sẽ phải khai báo hàng năm số lượng hàng hóa nhập khẩu vào EU trong năm trước đó và lượng khí thải nhà kính liên quan của chúng. Sau đó, họ sẽ giao nộp số lượng chứng chỉ CBAM tương ứng. Giá của chứng chỉ sẽ được tính tùy thuộc vào giá đấu giá trung bình hàng tuần của các khoản trợ cấp ETS của EU được biểu thị bằng €/tấn CO₂ thải ra. Việc loại bỏ dần việc phân bổ tự do theo EU ETS sẽ diễn ra song song với việc dần dần áp dụng CBAM trong giai đoạn 2026-2034.



Một số chính sách quy định đáng lưu ý khi xuất khẩu dệt may sang EU

EU hiện là thị trường xuất khẩu dệt may lớn thứ hai của Việt Nam, chiếm tỉ trọng khoảng 12% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong giai đoạn 2017 – 2022, trung bình mỗi năm Việt Nam xuất khẩu khoảng 31,6 tỷ USD hàng dệt may; trong đó, xuất khẩu sang EU đạt kim ngạch bình quân 3,5 tỷ USD và chứng kiến tốc độ tăng trưởng tích cực qua các năm, đặc biệt sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực (tháng 8/2020).

Tại EU, dệt may là ngành có ý nghĩa kinh tế quan trọng và đóng vai trò nổi bật trong nền kinh tế tuần hoàn. Thời gian qua, kinh tế thế giới nói chung và ngành dệt may châu Âu nói riêng đã chịu ảnh hưởng lớn từ bất ổn địa chính trị, lạm phát gia tăng, giá năng lượng & nguyên vật liệu thay đổi liên tục. Để xây dựng một hệ sinh thái dệt may EU với khả năng phục hồi mạnh mẽ, có thể chống chọi trước biến động thị trường và thực hiện các mục tiêu trong Thỏa thuận Xanh châu Âu, Ủy ban châu Âu (EC) đã đưa ra Chiến lược ngành dệt may tuần hoàn và bền vững tầm nhìn đến năm 2030 (30/3/2022).

Mục tiêu của Chiến lược:

- + Tất cả hàng dệt may lưu hành tại thị trường EU: (i) đảm bảo độ bền cao, có thể sửa chữa và tái chế; (ii) làm từ phần lớn sợi tái chế; (iii) không chứa chất có hại hoặc nguy hiểm và (iv) được sản xuất với các điều kiện tôn trọng xã hội và môi trường;
- + Người tiêu dùng được hưởng lợi từ hàng dệt may chất lượng cao với giá cả hợp lý, rời xa ngành thời trang nhanh (fast-fashion), đồng thời phát triển rộng rãi các dịch vụ sửa chữa và tái sử dụng;
- + Các nhà sản xuất chịu trách nhiệm với toàn bộ chuỗi giá trị sản phẩm, kể cả khi sản phẩm may mặc đã trở thành rác thải;
- + Thúc đẩy hệ sinh thái dệt tuần hoàn thông qua các biện pháp như tái chế (fibre-to-fibre recycling) và giảm thiểu tối đa việc đốt, tiêu hủy và chôn lấp hàng dệt may.

Để thực hiện mục tiêu trên, bên cạnh các Chương trình hành động thực hiện quá trình chuyển đổi ngành dệt may châu Âu như Lộ trình Chuyển đổi Hệ sinh thái Dệt may (Transition Pathway for the Textiles Ecosystem), Hướng dẫn doanh nghiệp về mô hình kinh tế dệt may tuần hoàn..., Chiến lược đã đề xuất quy định mới đáng chú ý như Quy định về thiết kế sinh thái đối với sản phẩm bền vững (Ecodesign for Sustainable Products Regulation) và sửa đổi một số quy định khác của EU liên quan tới ngành dệt may.

Quy định về thiết kế sinh thái đối với sản phẩm bền vững (Ecodesign for Sustainable Products Regulation - ESPR):

Quy định ESPR đưa ra những yêu cầu bắt buộc về thiết kế sinh thái dành riêng cho từng nhóm sản phẩm cụ thể nhằm cải thiện hiệu suất năng lượng và những khía cạnh liên quan tới phát triển bền vững và bảo vệ môi trường khác của sản phẩm. ESPR sẽ được áp dụng đối với hầu hết sản phẩm được đưa vào thị trường EU. Hiện dự thảo quy định đang được Hội đồng châu Âu xem xét, sau đó trình Nghị viện châu Âu theo thủ tục, lộ trình thông thường.

Trước đó, các tiêu chí không bắt buộc của EC, như Tiêu chí sinh thái của EU đối với Sản phẩm dệt may và Tiêu chí mua sắm công xanh của EU đối với các sản phẩm và dịch vụ ngành dệt may đã liệt kê các yêu cầu liên quan đến các khía cạnh môi trường của sản phẩm dệt may, như tiêu chí chi tiết về chất lượng tốt và sản phẩm bền, các hạn chế về hóa chất độc hại, cũng như các yêu cầu về nguồn cung ứng sợi dệt bền vững với môi trường.

ESPR quy định các sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể như sau:

- Độ bền của sản phẩm, khả năng tái sử dụng, khả năng nâng cấp và khả năng sửa chữa;
- Sự tồn tại của các chất ngán sản phẩm tham gia vào vòng kinh tế tuần hoàn;
- Hiệu suất sử dụng năng lượng và tài nguyên;
- Thành phần/hàm lượng đã tái chế;

▶ THÔNG TIN CHÍNH SÁCH

- Tái sản xuất và tái chế;
- Dấu vết carbon và môi trường (carbon and environmental footprints);
- Thông tin bắt buộc, bao gồm Hộ chiếu sản phẩm kỹ thuật số (Digital Product Passport).

Về Hộ chiếu sản phẩm kỹ thuật số: cung cấp thông tin về yếu tố môi trường bền vững của sản phẩm và dễ dàng truy cập điện tử, giúp người tiêu dùng và doanh nghiệp đưa ra lựa chọn sáng suốt khi mua sản phẩm, cải thiện tính minh bạch về tác động của vòng đời sản phẩm đối với môi trường. Hộ chiếu sản phẩm cũng sẽ giúp các cơ quan chức năng thực hiện kiểm tra, kiểm soát tốt hơn.

Liên quan đến giảm lượng sản phẩm bị tiêu hủy và loại bỏ, Quy định ESPR yêu cầu các công ty lớn công khai số lượng sản phẩm mà họ loại bỏ và tiêu hủy, bao gồm cả hàng dệt và cách xử lý tiếp theo của chúng để chuẩn bị tái sử dụng, tái chế, đốt hoặc chôn lấp. EC có thể cũng sẽ đưa ra các lệnh cấm tiêu hủy các sản phẩm không bán được, bao gồm cả hàng dệt may không bán được hoặc bị trả lại.

Liên quan tới xử lý ô nhiễm hạt vi nhựa, Quy định ESPR sẽ có quy định bắt buộc liên quan tới thiết kế giúp phòng ngừa và giảm thiểu lượng hạt vi nhựa trong quá trình giặt và vòng đời của sản phẩm dệt may; những yêu cầu về thiết kế này cũng sẽ được đưa ra trong Sáng kiến về rác thải vi nhựa trong tương lai gần.

Chỉ thị mới sửa đổi Chỉ thị về Hành vi thương mại không công bằng và Chỉ thị về Quyền người tiêu dùng:

Mục đích của Chỉ thị sửa đổi về Chỉ thị Hành vi thương mại không công bằng (Unfair commercial practices directive) và Chỉ thị về Quyền người tiêu dùng (Empowering Consumers for the Green Transition) nhằm cải thiện việc sử dụng các nhãn sản phẩm, tuyên bố liên quan tới phát triển bền vững trên sản phẩm lưu hành tại EU.

Theo đó, người tiêu dùng EU sẽ được cung cấp ngay tại điểm mua hàng về độ bền và thông tin liên quan tới sửa chữa sản phẩm; những nhãn hàng như "green", "eco-friendly" chỉ được sử dụng khi sản phẩm đã được chứng nhận đảm bảo môi trường, ví dụ như dựa trên Nhãn sinh thái (Ecolabel). Các nhãn thông tin về bền vững khác chỉ được sử dụng khi có một bên thứ ba đã xác nhận hoặc được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền.

Chỉ thị mới sửa đổi Chỉ thị về rác thải:

Ngày 05/7/2023, EC đã công bố dự thảo Chỉ thị mới về rác thải (Waste Framework Directive 2023), sửa đổi Chỉ thị số 2008/98/EC về rác thải, tập trung chủ yếu vào rác thải dệt may. Theo đó, Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (Extended Producer Responsibility - EPR) sẽ trở thành quy định bắt buộc đối với ngành dệt may. Các nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm về toàn bộ vòng đời của các sản phẩm dệt may và hỗ trợ quản lý bền vững rác thải dệt may trên toàn EU, thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực thu gom, phân loại, tái sử dụng và tái chế riêng cho hàng dệt may ở EU, phù hợp với Chiến lược ngành dệt may tuần hoàn và bền vững của EU.

Là thị trường xuất khẩu dệt may chủ lực của Việt Nam, việc EU mở rộng thêm các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật cao hơn đối với ngành dệt may sẽ tạo ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp để đáp ứng các yêu cầu về sản xuất bền vững, giảm phát thải, kinh tế tuần hoàn, trách nhiệm xã hội, môi trường... Trong khi đó, năng lực doanh nghiệp, điều kiện sản xuất của Việt Nam còn hạn chế; việc chuyển đổi mô hình sản xuất cần công nghệ và nguồn vốn lớn. Tuy nhiên phải nhìn nhận rằng, việc xanh hóa ngành dệt may là xu hướng tất yếu, không thể đảo ngược trên toàn cầu. Việc bắt kịp xu thế sẽ tạo ra cơ hội phát triển nhanh chóng, giúp nâng cao sức cạnh tranh và mở rộng thị phần, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng. Ngành dệt may cũng sẽ có điều kiện thuận lợi để tiếp cận công nghệ hiện đại và tiên tiến của EU, cũng như thu hút đầu tư, các dự án hỗ trợ để đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất theo hướng xanh và số, bao gồm cả vấn đề sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, giúp hàng hóa Việt Nam đáp ứng được các tiêu chuẩn của EU.

Các doanh nghiệp cần chủ động nắm bắt thông tin thị trường, nhanh chóng xây dựng kế hoạch điều chỉnh sản xuất và xuất khẩu bài bản để kịp thời thích ứng với các yêu cầu, quy định mới, tham gia hiệu quả, bền vững vào chuỗi cung ứng. Nỗ lực xanh hóa sản xuất, đảm bảo minh bạch truy xuất nguồn gốc trong toàn bộ chuỗi giá trị, cũng như thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường cần được đặc biệt chú trọng. Theo đó, đổi mới công nghệ, áp dụng kỹ thuật số, đầu tư dây chuyền máy móc hiện đại, hệ thống xử lý theo tiêu chuẩn quốc tế, hướng đến các tiêu chí sản xuất xanh, sạch, tuần hoàn và đảm bảo các quyền lợi cho người lao động là nhóm giải pháp cần thiết.

Cảng thẳng ở biển Đỏ có thể gây ra tình trạng thiếu container rộng cục bộ

Thời gian qua, tại khu vực vịnh Aden và biển Đỏ xuất hiện tình trạng tàu biển chuyên chở hàng hóa bị tấn công, dẫn đến việc một số hãng vận tải biển đã ra thông báo dừng vận chuyển hàng hóa qua khu vực biển Đỏ, thay đổi lịch trình, chuyển hướng đi vòng qua mũi Hảo Vọng của châu Phi. Tình trạng trên phát sinh tác động tiêu cực đến hoạt động thương mại quốc tế, làm cho hàng hóa vận chuyển bằng đường biển giữa châu Á với châu Âu và bờ Đông Bắc Mỹ phải mất nhiều thời gian hơn. Cước phí vận chuyển và phí bảo hiểm cho hàng hóa trao đổi giữa các khu vực này tăng thêm.

Để hạn chế tác động, các hiệp hội ngành hàng, hiệp hội trong lĩnh vực logistics cần tăng cường theo dõi, thường xuyên cập nhật tình hình đến các doanh nghiệp trong ngành nắm chắc thông tin để chủ động kế hoạch sản xuất và xuất nhập khẩu hàng hóa, tránh phát sinh ùn tắc và các tác động bất lợi khác.

Các doanh nghiệp xuất nhập khẩu cần theo sát tình hình, chủ động lên phương án thích hợp, trao đổi với đối tác để trong trường hợp cần thiết có thể kéo dài thời gian đóng hàng, nhận hàng.

Các doanh nghiệp tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn cung để hạn chế ảnh hưởng đối với chuỗi cung ứng...

Đặc biệt, tìm hiểu về phương thức vận chuyển đường sắt để có lựa chọn khác nhau về phương thức giao hàng.

Các doanh nghiệp khi ký kết và đàm phán hợp đồng thương mại, hợp đồng vận chuyển nên có điều khoản về bồi thường, miễn trách nhiệm trong các tình huống khẩn cấp.

Cần mua bảo hiểm đầy đủ để phòng ngừa rủi ro và tổn thất khi hàng hóa phải kéo dài thời gian vận chuyển hoặc gặp sự cố khi đi qua tuyến đường này.



Một số nét đáng chú ý của kinh tế EU năm 2023

Năm 2023 là một năm đầy khó khăn, thách thức đối với kinh tế Liên minh châu Âu. Lạm phát cao kỷ lục, chính sách tiền tệ thắt chặt, nhu cầu từ bên ngoài giảm... khiến nền kinh tế khu vực tăng trưởng chậm. Trong báo cáo mùa Thu, Ủy ban Châu Âu đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế EU từ mức 0,8% trong dự báo trước đó xuống 0,6%. GDP của EU năm 2024 được dự đoán sẽ tăng 1,3%, thấp hơn 0,1 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra vào mùa Hè năm 2023.

Ủy ban Châu Âu dự báo lạm phát năm 2024 tại EU vẫn có xu hướng giảm. Lạm phát tại EU được dự đoán sẽ giảm từ mức dự kiến 6,5% năm 2023 xuống 3,5% vào năm 2024.

Các chỉ số và dữ liệu khảo sát mới nhất cho thấy hoạt động kinh tế khu vực đã có dấu hiệu cải thiện với chỉ số giá tiêu dùng giảm xuống gần mức mục tiêu của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), chi tiêu tiêu dùng phục hồi, tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp...

Chỉ số giá tiêu dùng giảm về gần mức mục tiêu

Theo Cơ quan thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat), giá tiêu dùng tại Eurozone trong tháng 11 tăng 2,4%, mức tăng thấp nhất kể từ tháng 7/2021 và gần với mức mục tiêu 2% của Ngân hàng ECB. Lạm phát lõi, không tính những mặt hàng giá cả hay biến động như năng lượng, thực phẩm, rượu và thuốc lá, đã giảm xuống 3,6% trong tháng 11/2023, từ mức 4,2% trong tháng 10/2023. Như vậy, lạm phát tại Eurozone đã giảm kể từ mức đỉnh 10,6% trong tháng 10/2022 và cho thấy các biện pháp thắt chặt tiền tệ của ECB đã có hiệu quả.

Đóng góp vào tỷ lệ lạm phát của Khu vực đồng Euro

Mặt hàng	Tỷ lệ hàng năm (%)						
	Tháng 11/2022	Tháng 6/2023	Tháng 7/2023	Tháng 8/2023	Tháng 9/2023	Tháng 10/2023	Tháng 11/2023
Tất cả các mặt hàng	10,1	5,5	5,3	5,2	4,3	2,9	2,4e
> Năng lượng	7,0	6,9	6,7	6,3	5,5	4,9	4,3e
> Năng lượng, thực phẩm chưa qua chế biến	6,6	6,8	6,6	6,2	5,5	5,0	4,2e
> Năng lượng, thực phẩm, rượu và thuốc lá	5,0	5,5	5,5	5,3	4,5	4,2	3,6e
Thực phẩm, rượu và thuốc lá	13,6	11,6	10,8	9,7	8,8	7,4	6,9e
> Thực phẩm chế biến, rượu và thuốc lá	13,6	12,4	11,3	10,3	9,4	8,4	7,1e
> Thực phẩm chưa qua chế biến	13,8	9,0	9,2	7,8	6,6	4,5	6,4e
Năng lượng	34,9	-5,6	-6,1	-3,3	-4,6	-11,2	-11,5e
Hàng công nghiệp phi năng lượng	6,1	5,5	5,0	4,7	4,1	3,5	2,9e
Dịch vụ	4,2	5,4	5,6	5,5	4,7	4,6	4,0e

Nguồn: Eurostat

Doanh số bán lẻ phục hồi

Chi tiêu tiêu dùng của hộ gia đình tại EU phục hồi khi tăng 0,4% trong quý III/2023, và tăng 0,3% ở khu vực đồng Euro (sau tăng lần lượt là 0,0% và 0,2% trong quý trước). Xu hướng này tiếp tục duy trì trong tháng 10/2023 khi doanh số bán lẻ tăng. Theo Eurostat, khối lượng thương mại bán lẻ của EU tháng 10/2023 tăng 0,3% so với tháng 9/2023, tháng tăng đầu tiên sau khi giảm trong 3 tháng trước đó; so với tháng 10/2022, doanh số bán lẻ tại EU giảm 0,9%, mức giảm thấp nhất từ tháng 10/2022 đến nay.

Trong đó, thương mại bán lẻ tại EU tháng 10/2023 tăng 1,0% so với tháng trước đối với các sản phẩm phi thực phẩm và 0,1% đối với nhiên liệu ô tô, trong khi giảm 0,8% đối với thực phẩm, đồ uống và thuốc lá; so với tháng 10/2022, thương mại bán lẻ tại EU giảm 5,5% đối với nhiên liệu ô tô và 1,2% đối với thực phẩm, đồ uống và thuốc lá, trong khi tăng 0,2% đối với các sản phẩm phi thực phẩm.

Tăng trưởng doanh thu bán lẻ của EU từ tháng 1 đến tháng 10/2023 (%)

	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10
So với tháng trước đó										
Tổng thương mại bán lẻ	0,9	-0,3	-0,3	0,0	0,3	0,0	-0,1	-0,5	-0,1	0,3
Thực phẩm, đồ uống, thuốc lá	1,7	-0,4	-1,0	0,5	0,4	0,0	0,0	-0,3	1,0	-0,8
Các sản phẩm phi thực phẩm (trừ nhiên liệu ô tô), trong đó:										
Đặt hàng qua thư và internet	-2,5	2,2	-1,0	0,5	-0,1	1,1	1,6	-1,4	-1,7	2,1
Nhiên liệu ô tô trong các cửa hàng chuyên doanh	-2,6	-1,3	0,2	-2,3	0,3	-0,6	-0,5	-1,7	1,2	0,1
So với cùng kỳ năm trước										
Tổng thương mại bán lẻ	-1,5	-2,5	-3,6	-3,0	-2,4	-1,0	-1,0	-1,8	-2,6	-0,9
Thực phẩm, đồ uống, thuốc lá	-4,4	-4,7	-6,1	-4,5	-2,8	-2,8	-2,3	-2,4	-0,7	-1,2
Các sản phẩm phi thực phẩm (trừ nhiên liệu ô tô), trong đó:										
Đặt hàng qua thư và internet	-8,7	-5,8	-3,0	-2,2	-1,8	-0,9	1,5	0,8	-2,6	1,4
Nhiên liệu ô tô trong các cửa hàng chuyên doanh	4,7	-1,0	1,5	-2,9	-1,9	-1,8	-2,5	-7,0	-6,4	-5,5

Nguồn: Eurostat

Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức thấp

Tháng 10/2023, tỷ lệ thất nghiệp được điều chỉnh theo mùa tại khu vực đồng euro ổn định so với tháng 9/2023 ở mức 6,5%, giảm so với mức 6,6% vào tháng 10/2022. Tỷ lệ thất nghiệp ở EU là 6,0% vào tháng 10/2023, ổn định so với tháng 9/2023 và giảm từ mức 6,1% vào tháng 10/2022.

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa giữa EU với thị trường ngoại khối giảm trong năm 2023

Năm 2023, xuất nhập khẩu hàng hóa của EU chịu ảnh hưởng đáng kể trong bối cảnh kinh tế khó khăn, lạm phát cao, khiến nhu cầu tiêu dùng suy giảm. Theo ước tính của Eurostat, tháng 10/2023, xuất khẩu hàng hóa của EU ra thế giới đạt 222,7 tỷ EUR, giảm 1,4% so với tháng 10/2022. Nhập khẩu hàng hóa của EU từ thế giới đạt 213,3 tỷ EUR, giảm 19,6% so với tháng 10/2022. Do đó, EU đã ghi nhận thặng dư thương mại hàng hóa với phần còn lại của thế giới là 9,4 tỷ EUR (cùng kỳ năm ngoái thâm hụt 39,5 tỷ EUR). Thương mại nội khối giảm xuống 350,5 tỷ EUR.

Tính chung 10 tháng năm 2023, xuất khẩu hàng hóa ra ngoài EU đạt 2.124,8 tỷ EUR, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2022; nhập khẩu đạt 2.119,2 tỷ EUR, giảm 15,7% so với cùng kỳ năm 2022. Kết quả là, EU đã ghi nhận thặng dư 5,5 tỷ EUR (cùng kỳ năm 2022 thâm hụt 399,3 tỷ euro).

Thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối tháng 10 và 10 tháng năm 2023

(ĐVT: Tỷ EUR)

Hoạt động	Tháng 10/2022	Tháng 10/2023	So sánh (%)	10 tháng 2022	10 tháng 2023	So sánh (%)
Xuất khẩu ngoài EU	225,8	222,7	-1,4	2.114,7	2.124,8	0,5
Nhập khẩu ngoài EU	265,4	213,3	-19,6	2.514,0	2.119,2	-15,7
Cán cân thương mại ngoài EU	-39,5	9,4		-399,3	5,5	
Cán cân thương mại nội khối EU	373,3	350,5	-6,1	3.533,1	3.443,3	-2,5

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Các sản phẩm xuất, nhập khẩu chính của Liên minh châu Âu trong 10 tháng năm 2023

(ĐVT: Tỷ EUR)

Mặt hàng	Xuất khẩu ngoài EU			Nhập khẩu ngoài EU			Cán cân thương mại	
	10 tháng 2022	10 tháng 2023	So sánh (%)	10 tháng 2022	10 tháng 2023	So sánh (%)	10 tháng 2022	10 tháng 2023
Tổng	2.114,7	2.124,8	0,5%	2.514,0	2.119,2	-15,7%	-399,3	5,5
Hàng sơ cấp:	383,9	346	-9,9%	925,3	665,7	-28,1%	-541,4	-319,7
Thực phẩm và đồ uống	168,9	170,8	1,1%	122	120,2	-1,5%	46,9	50,6
Nguyên liệu thô	63,5	56,7	-10,7%	106,2	82,2	-22,6%	-42,7	-25,5
Năng lượng	151,4	118,5	-21,7%	697,1	463,3	-33,5%	-545,7	-344,8
Hàng hóa sản xuất:	1.702,4	1.747,6	2,7%	1.549,8	1.434,1	-7,5%	152,5	313,5
Hóa chất	460	439,1	-4,5%	307,9	273,7	-11,1%	152,1	165,4
Máy móc và xe cộ	770,2	848	10,1%	679,9	681,3	0,2%	90,3	166,7
Hàng hóa sản xuất khác	472,1	460,5	-2,5%	562	479,1	-14,8%	-89,9	-18,6
Hàng hóa khác	28,5	31,2	9,5%	38,8	19,4	-50,0%	-10,3	11,7

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Về xuất khẩu, trong 10 tháng năm 2023, 11 Quốc gia thành viên EU xuất khẩu hàng hóa sang thị trường ngoại khối giảm. Mức giảm cao nhất ghi nhận tại Estonia (giảm 30%); Hy Lạp (giảm 12%). Ngược lại, xuất khẩu hàng hóa của một số thị trường thành viên EU sang thị trường ngoại khối tăng. Mức tăng cao ghi nhận tại Slovakia (tăng 23%); Síp (tăng 6%); Slovenia (tăng 13%).

Về nhập khẩu, trong 10 tháng năm 2023, hầu hết các thị trường thành viên EU giảm nhập khẩu hàng hóa từ thị trường ngoại khối. Mức giảm cao nhất ghi nhận tại các thị trường Estonia (giảm 45%); Phần Lan (giảm 31%); Litva (giảm 30%).

Thương mại hàng hóa của các Quốc gia thành viên EU với thị trường ngoài EU trong 10 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022

(ĐVT: Tỷ EUR)

Thị trường	Xuất khẩu				Nhập khẩu				Cán cân thương mại			
	Tổng		Ngoại khối EU		Tổng		Ngoại khối EU		Tổng		Ngoại khối EU	
	10 tháng 2023	So sánh (%)	10 tháng 2023	So sánh (%)	10 tháng 2023	So sánh (%)	10 tháng 2023	So sánh (%)	10 tháng 2023	10 tháng 2022	10 tháng 2023	10 tháng 2022
Bỉ	441,4	-13	144,3	-9	428,2	-13	163,6	-22	13,2	14	-19,3	-49,7
Bungari	36,5	-8	12,6	-7	41,1	-11	16,5	-21	-4,6	-6,3	-3,8	-7,2
CH Séc	197,4	4	36,4	5	178,5	-4	48,6	-6	19	3,5	-12,2	-16,9
Đan Mạch	105,7	3	44,8	-2	97,1	-5	34,7	0	8,5	1,2	10,2	11
Đức	1.306,3	-1	595,4	1	1.138,8	-9	399,6	-19	167,5	65,5	195,8	98,2
Estonia	15,1	-15	3,9	-30	17,6	-15	2,6	-45	-2,5	-2,9	1,3	0,8
Ai Len	163,8	-5	94,7	-9	112,5	-3	68,3	-11	51,3	56,3	26,4	27,9
Hy Lạp	42,9	-6	18,1	-12	68,7	-11	34,3	-23	-25,8	-31,9	-16,2	-23,8
Tây Ban Nha	326,5	1	119,9	0	363,7	-7	163	-17	-37,3	-66	-43,1	-75,8
Pháp	499,6	3	221,5	5	611,1	-5	216,1	-14	-111,5	-161	5,3	-39,6
Croatia	19,1	-4	6,2	-3	33,5	-5	8,3	-24	-14,4	-15,4	-2,1	-4,6
Italia	523,1	1	250,7	4	498,1	-10	216,6	-20	24,9	-36,2	34	-31,7
Síp	3,5	8	2,6	16	11	12	5	28	-7,5	-6,5	-2,3	-1,6
Latvia	17,4	-8	6,2	-4	20,9	-10	3,9	-20	-3,6	-4,2	2,2	1,5
Litva	33,2	-10	13,3	-1	37,5	-14	11,4	-30	-4,3	-6,8	1,9	-2,8

▶ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

Thị trường	Xuất khẩu				Nhập khẩu				Cán cân thương mại			
	Tổng		Ngoại khối EU		Tổng		Ngoại khối EU		Tổng		Ngoại khối EU	
	10 tháng 2023	So sánh (%)	10 tháng 2023	So sánh (%)	10 tháng 2023	So sánh (%)	10 tháng 2023	So sánh (%)	10 tháng 2023	10 tháng 2022	10 tháng 2023	10 tháng 2022
Luxembua	13,4	-3	2,8	7	19,8	-8	2	-2	-6,4	-7,7	0,7	0,5
Hungary	125,5	5	26,3	2	121,5	-6	37,4	-7	3,9	-10,4	-11	-14,4
Manta	2,6	6	1,2	-3	6,3	-7	2,5	-8	-3,8	-4,4	-1,3	-1,5
Hà Lan	722,5	-5	217,2	0	654,7	-8	384,3	-12	67,9	49,1	-167,1	-219,5
Áo	172,3	3	53,1	5	175,9	-5	44	-4	-3,6	-17,1	9,1	4,7
Ba Lan	294,8	4	74,4	9	284,2	-5	92,7	-14	10,6	-16,4	-18,3	-39,9
Bồ Đào Nha	64,8	-1	19,1	-1	87,8	-4	22,7	-20	-23	-25,7	-3,6	-9
Rumani	78,7	2	21,5	2	101,9	-3	27,2	-12	-23,2	-28,4	-5,8	-9,9
Slovenia	56,3	2	23	13	55,4	0	28,6	7	0,9	-0,3	-5,6	-6,5
Slovakia	91,6	7	20,8	23	88,2	0	18,2	-11	3,4	-2,7	2,6	-3,6
Phần Lan	62,2	-7	26,1	-9	63,4	-18	18,6	-31	-1,2	-10,4	7,5	1,8
Thụy Điển	152	-2	68,7	-3	148,6	-7	48,5	-17	3,3	-3,5	20,2	12,5

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Thị phần hàng hóa của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường ngoại khối trong 9 tháng đầu năm 2022

9 tháng đầu năm 2023, EU giảm nhập khẩu hàng hóa từ hầu hết các nguồn cung ngoại khối lớn, gồm : Trung Quốc, Anh, Thụy Sĩ, Việt Nam, Braxin, Nga ... Ngược lại, EU tăng nhập khẩu hàng hóa từ các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, thị trường Đài Loan ...

Theo Eurostat, 9 tháng đầu năm 2023, EU nhập khẩu hàng hóa từ Nga đạt 37,76 tỷ EUR (tương đương 41,12 tỷ USD), giảm 74,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần hàng hóa của Nga trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối giảm từ 7,07% trong 9 tháng đầu năm 2022 xuống còn 2,11% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Việt Nam là nguồn cung hàng hóa ngoại khối lớn thứ 12 tại EU, 9 tháng đầu năm 2023, EU nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam đạt 34,81 tỷ EUR (tương đương 37,91 tỷ USD), giảm 6,3% so với cùng kỳ năm 2022. Mặc dù vậy, thị phần hàng hóa của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối tăng từ 1,77% trong 9 tháng đầu năm 2022 lên 1,94% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của EU và thị phần của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2023

Thị trường	9 tháng 2023		So với cùng kỳ năm ngoái (%)	Thị phần/Tổng NK từ ngoại khối EU (%)	
	Triệu EUR	Triệu USD		9 tháng 2023	9 tháng 2022
Tổng	4.793.319	5.219.925	-6,9		
Nội khối EU	3.003.504	3.270.816	-1,5		
Ngoại khối EU	1.789.815	1.949.109	-14,8	100,00	100,00
Trung Quốc	372.456	405.605	-16,2	20,81	21,17
Mỹ	231.645	252.261	-3,1	12,94	11,39
Anh	130.355	141.956	-17,0	7,28	7,48
Thụy Sĩ	91.992	100.179	-4,2	5,14	4,57
Na Uy	81.272	88.505	-29,5	4,54	5,49
Thổ Nhĩ Kỳ	70.477	76.750	-3,4	3,94	3,47
Hàn Quốc	54.985	59.878	7,8	3,07	2,43
Nhật Bản	50.076	54.533	4,3	2,80	2,29
Ấn Độ	48.165	52.451	-2,3	2,69	2,35
Nga	37.760	41.121	-74,6	2,11	7,07

▶ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

Thị trường	9 tháng 2023		So với cùng kỳ năm ngoái (%)	Thị phần/Tổng NK từ ngoại khối EU (%)	
	Triệu EUR	Triệu USD		9 tháng 2023	9 tháng 2022
Đài Loan	35.674	38.849	0,8	1,99	1,69
Việt Nam	34.808	37.906	-6,3	1,94	1,77

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat. Tỷ giá 1 EUR = 1,089 USD

EU nhập khẩu một số mặt hàng công nghiệp chế biến, nông, thủy sản và thị phần của Việt Nam

Theo Eurostat, 9 tháng đầu năm 2023, EU giảm nhập khẩu dệt may (mã HS 61, 62) từ Việt Nam, mức giảm 10,4% so với cùng kỳ năm 2022 (giai đoạn từ tháng 1- tháng 8/2023, mức giảm 5,8%), đạt 2,77 tỷ EUR. Mặc dù vậy, thị phần hàng dệt may của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu ngoại khối của EU tăng từ 4,28% trong 9 tháng đầu năm 2022 lên 4,49% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Ngược lại, 9 tháng đầu năm 2023, EU tăng nhập khẩu giày dép (mã HS 64) từ Việt Nam, mức tăng 2,1% so với cùng kỳ năm ngoái (giai đoạn từ tháng 1- tháng 8/2023 tăng 6,1%), đạt xấp xỉ 4,1 tỷ EUR. Thị phần giày dép của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu ngoại khối của EU tăng từ 21,0% trong 9 tháng đầu năm 2022 lên 24,40% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Đối với nhóm hàng nông sản, EU tăng nhập khẩu cà phê và rau quả từ Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2023, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng có xu hướng chậm lại. Tốc độ nhập khẩu cà phê và rau quả của EU từ Việt Nam tăng lần lượt 11,0% và 20,5% (giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 8/2023, tăng lần lượt 14,7% và 23,9%).

Trong khi đó, tốc độ nhập khẩu các mặt hàng nông sản khác (hạt điều, cao su, hạt tiêu, chè và gạo) của EU từ Việt Nam giảm mạnh.

EU nhập khẩu một số mặt hàng có thể mạnh từ Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2023 (ĐVT: Triệu EUR)

Mặt hàng	9 tháng 2023			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Nội khối EU	Ngoại khối EU	Việt Nam	Nội khối EU	Ngoại khối EU	Việt Nam
Giày dép	31.582	16.797	4.098	7,7	-12,1	2,1
Dệt may	71.165	61.753	2.773	1,1	-14,6	-10,4
Sắt thép và sản phẩm từ sắt thép	160.134	58.221	2.179	-14,5	-23,8	-15,0
Cà phê	6.387	8.125	1.278	3,9	-14,8	11,0
Thủy sản	20.847	20.781	621	0,5	-5,0	-34,0
Hạt điều	314	698	504	12,1	-7,4	-12,6
Gỗ & SP gỗ	43.315	12.409	425	-13,2	-29,4	-37,4
Rau quả*	68.541	25.823	189	10,7	2,1	20,5
Cao su	5.672	3.450	72	-8,6	-31,3	-41,4
Gạo	1.400	1.399	55	9,2	-3,5	-18,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

(*) Ghi chú : Số liệu mặt hàng rau quả gồm HS 06, 07, 08 (không bao gồm hạt điều có mã HS 080131, 080132) và HS 20

Trong đầu quý IV/2023, hoạt động thương mại hàng hóa giữa Liên minh châu Âu với thị trường ngoại khối tiếp tục giảm. Số lượng đơn đặt hàng mới của EU giảm mạnh đã khiến các nhà sản xuất tiếp tục phải cắt giảm việc làm và giảm mua nguyên liệu đầu vào. Trong đó, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa giữa EU với nhiều thị trường ngoại khối giảm, đặc biệt với Nga giảm mạnh. Thương mại hàng hóa giữa EU – Việt Nam giảm theo xu hướng chung, do nhu cầu giảm.

Theo Eurostat, hoạt động thương mại giữa EU – Việt Nam giảm ở cả hai chiều xuất, nhập khẩu trong 9 tháng đầu năm 2023. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa hai chiều EU và Việt Nam đạt 42,51 tỷ EUR (tương đương 46,29 tỷ USD), giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, EU xuất khẩu hàng hóa sang Việt Nam giảm 11,6%; nhập khẩu từ Việt Nam giảm 6,3%. Mặc dù vậy, thị phần hàng hóa của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối tăng từ 1,77% trong 9 tháng đầu năm 2022 lên 1,94% trong 9 tháng đầu năm 2023. Trong đó, EU giảm nhập khẩu hầu hết các mặt hàng từ Việt Nam, nhưng tăng nhập khẩu giày dép và một số mặt hàng nông sản cà phê, rau quả...

Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ: 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574